

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP CƠ SỞ
HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
TRUYỀN THÔNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
Mã số: **13.01.24.I.07**

Tổ chức chủ trì : Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thị Luyện

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP CƠ SỞ
HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
TRUYỀN THÔNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
Mã số: 13.01.24.I.07

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Nguyễn Thị Luyện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Trinh

Hà Nội – 2024

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài : *Truyền thông về quyền con người cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*
- Mã số : 13.01.24.I.07
- Chủ nhiệm đề tài : TS. Nguyễn Thị Luyến
- Tổ chức chủ trì : Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- Thời gian thực hiện: năm 2024

2. Mục tiêu:

Phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn truyền thông về quyền con người (QCN) cho sinh viên (SV) Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác truyền thông của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong tuyên truyền, giáo dục về QCN cho SV.

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài phân tích, luận giải sâu sắc cơ sở lý luận truyền thông về QCN trong các cơ sở giáo dục đại học. Từ đó xây dựng cơ sở khoa học trong việc xác định chủ thể, cách thức và nội dung truyền thông về QCN cho SV trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Trên cơ sở đó nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác truyền thông của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong tuyên truyền, giáo dục về QCN cho SV.

4. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài phân tích, luận giải sâu sắc những vấn đề lý luận và thực tiễn truyền thông về QCN cho SV trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả truyền thông về QCN cho SV Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác truyền thông về QCN cho SV.

5. Sản phẩm:

- 01 báo cáo tổng hợp đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở năm 2024
- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị (Tạp chí điện tử)

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

- Phương thức chuyển giao: Báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được chuyển giao cho khoa Lý luận Chính trị, BCH Đoàn Thanh niên Trường, phòng Công tác sinh viên; nộp về Thư viện Trường để làm tài liệu tham khảo.

- Địa chỉ ứng dụng: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, bộ môn Lịch sử Đảng và bộ môn Pháp luật khoa Lý luận Chính trị, BCH đoàn Trường, phòng Công tác sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu: Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền về QCN cho SV Nhà trường.

INFORMATION RESEARCH RESULTS

1. General information:

- Project title : Communication on Human Rights for Students at Hanoi University of Natural Resources and Environment
- Code number : 13.01.24.I.07
- Coordinator : Dr. Nguyen Thi Luyen
- Implementing institution: Ha Noi University of Natural Resources and Environment
- Duration : 2024

2. Objectives:

Analyze the theoretical and practical issues of communication about human rights (HR) for students at Hanoi University of Natural Resources and Environment. Based on this analysis, it will propose several fundamental solutions to enhance the effectiveness of communication efforts at Hanoi University of Natural Resources and Environment in promoting and educating students about HR.

3. Novelty and creativity:

The project provides a deeper analysis and explanation of the theoretical basis for communication about human rights (HR) in higher education institutions. From this, it aims to establish a scientific foundation for identifying the subjects, methods, and content of communication about HR for students at Hanoi University of Natural Resources and Environment. Based on this research, it will study practical applications and propose several fundamental solutions to enhance the effectiveness of communication efforts at Hanoi University of Natural Resources and Environment in promoting and educating students about HR.

4. Research results:

The project conducts an in-depth analysis and explanation of the theoretical and practical issues of communication about human rights (HR) for students at Hanoi University of Natural Resources and Environment. It proposes several key solutions to enhance the effectiveness of communication about HR for students at Hanoi University of Natural Resources and Environment.

The research results can be used as reference materials for Hanoi University of

Natural Resources and Environment in leading and directing the implementation of communication efforts about HR for students specifically, and for political thought, ethics, and legal education in general. Additionally, it can serve as reference material for teaching and studying political theory courses and general law subjects at universities in general, with a focus on Hanoi University of Natural Resources and Environment, and for the activities of the Youth Union and the Student Affairs Office at Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Products:

- 01 comprehensive report on the scientific project for the year 2024.
- 01 article published in the Journal of Political Theory (electronic version).

6. Transfer method, application address, impact and benefits of research results:

- **Method of Transfer:** The research results report will be transferred to the Faculty of Political Theory, the Student Union Executive Committee, and the Student Affairs Office; it will also be submitted to the library of Hanoi University of Natural Resources and Environment to serve as reference material.

- **Application:** The disciplines of Ho Chi Minh Thought and Party History, Law Studies in the Faculty of Political Theory, the Student Union Executive Committee, and the Student Affairs Office at Hanoi University of Natural Resources and Environment.

- **Impact and Benefits of the Research Results:** The research results will contribute to enhancing the effectiveness of education and communication about human rights for the students of the university.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	ii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	3
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.....	3
1.2. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước.....	6
CHƯƠNG 2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	7
2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài	7
2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....	7
2.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 3. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TRUYỀN THÔNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI.....	8
3.1. Một số vấn đề lý luận về truyền thông và truyền thông về quyền con người cho sinh viên.....	8
3.2. Một vài nét khái quát về Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và vai trò truyền thông về quyền con người cho sinh viên.....	28
CHƯƠNG 4. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI.....	32
4.1. Thực trạng truyền thông về quyền con người cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	32
4.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	48
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	55
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	59
PHỤ LỤC.....	62

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Viết đầy đủ tiếng Việt
1	CNXH	Chủ nghĩa xã hội
2	CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
3	CV	Chuyên viên
4	GV	Giảng viên
5	Nxb	Nhà xuất bản
6	QCN	Quyền con người
7	QL	Quản lý
8	SV	Sinh viên
9	VC	Viên chức
10	VCQL, GV, CV	Viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên
11	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

- Biểu đồ 4.1. Hiểu biết của SV về khái niệm QCN
- Biểu đồ 4.2. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 1
- Biểu đồ 4.3. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 2
- Biểu đồ 4.4. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 3
- Biểu đồ 4.5. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 4
- Biểu đồ 4.6. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 5
- Biểu đồ 4.7. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về xu hướng cộng đồng SV ứng xử trước tình huống giả định số 1
- Biểu đồ 4.8. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về xu hướng cộng đồng SV ứng xử trước tình huống giả định số 4
- Biểu đồ 4.9. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về xu hướng cộng đồng SV ứng xử trước tình huống giả định số 5
- Biểu đồ 4.10. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan QCN
- Biểu đồ 4.11. Kết quả khảo sát đánh giá của VCQL, GV, CV về hiệu quả của công tác truyền thông về QCN cho SV
- Biểu đồ 4.12. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về trách nhiệm truyền thông về QCN cho SV của các lực lượng giáo dục trong nhà trường
- Biểu đồ 4.13. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về sự cần thiết của việc truyền thông QCN cho SV
- Biểu đồ 4.14. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về mức độ hiểu biết của bản thân về QCN, bảo vệ, bảo đảm QCN
- Biểu đồ 4.15. Kết quả khảo sát SV về các kênh truyền thông giúp SV tiếp cận được thông tin về QCN
- Biểu đồ 4.16. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về mức độ quan tâm của SV về QCN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người (QCN) là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Ở Việt Nam, QCN luôn được tôn trọng và bảo đảm thể hiện trong chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và thể chế hóa trong chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN vào thực tiễn cuộc sống việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về QCN cần được coi trọng. Ngày 14 tháng 9 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1079/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam. Một trong những quan điểm quan trọng của Đề án được xác định: Công tác truyền thông về QCN phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục với hình thức đa dạng để mọi tầng lớp nhân dân *hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật* về QCN. Đề án truyền thông về QCN ở Việt Nam nhằm hướng tới mục tiêu: *Tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hiểu biết* của toàn xã hội về các QCN; thông tin đầy đủ giúp người dân trong nước, đồng bào ở nước ngoài và bạn bè quốc tế *hiểu rõ về quan điểm, chủ trương, nỗ lực và kết quả đạt được* trong công tác bảo vệ và thúc đẩy QCN ở Việt Nam...

Ở Việt Nam, một trong những cơ chế quan trọng trong bảo vệ QCN là phát huy vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong bảo vệ QCN vì vậy việc đẩy mạnh truyền thông về QCN cho SV ở các cơ sở giáo dục đại học trong đó có trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là rất quan trọng. Ngày 05/9/2017 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân để thực hiện *tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về QCN, tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học*, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước. Hơn nữa, hiện nay, các thế lực thù địch, phản động, luôn có âm mưu và thủ đoạn lợi

dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền nhằm mục tiêu thay đổi chế độ chính trị, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mà một trong những đối tượng mà các thế lực phản động hướng tới lợi dụng để tuyên truyền, chống phá, chuyển hoá tư tưởng là SV bằng việc sử dụng tinh vi các phương tiện và nội dung để tuyên truyền các quan điểm sai trái về dân chủ, nhân quyền; xuyên tạc, bóp méo những thành tựu đạt được về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam. Từ đó đặt ra yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học phải tăng cường công tác truyền thông về QCN cho SV.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là một cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có quy mô đào tạo khá lớn. Thời gian qua, công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật cho SV đã đạt được những kết quả nhất định góp phần truyền thông về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN tới SV. Tuy nhiên, công tác truyền thông về QCN cho SV ở trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chưa được triển khai một cách có hệ thống, chưa có nội dung truyền thông và kế hoạch mà còn mang tính tự phát. Từ những lý do trên, tôi chọn đề tài *“Truyền thông về quyền con người cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội”* làm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024.

2. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của đề tài:

- Về lý luận: Đề tài góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận về QCN và truyền thông về QCN cho SV ở các cơ sở giáo dục đại học.

- Về thực tiễn: Đề tài cung cấp cơ sở khoa học, tài liệu tham khảo cho công tác quản lý, giảng dạy, truyền thông về QCN cho SV Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

- Một số công trình khoa học tiêu biểu về lĩnh vực truyền thông

Trong cuốn sách *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông* của tác giả Dương Xuân Sơn (2012), Nxb Giáo dục Việt Nam và *Xã hội học báo chí* của tác giả Trần Hữu Quang (2006), Nxb Trẻ, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Trung tâm Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương. Các cuốn sách này đã cung cấp cho người đọc một hệ thống lý luận về khái niệm truyền thông, về cơ chế, về môi trường truyền thông và đã phân loại truyền thông.

Cuốn sách *Truyền thông đại chúng* của tác giả Tạ Ngọc Tấn (2001), Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, đã giúp cho độc giả có được những nhận thức cơ bản về nội hàm của khái niệm truyền thông trong xã hội hiện đại, đưa ra những nguyên tắc lãnh đạo, quản lý, nhằm phát huy sức mạnh truyền thông ở Việt Nam. Đáng quan tâm là cuốn sách *Tâm lý học tuyên truyền* của tác giả Hoàng Thị Hòa Bình (2010), Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia, tác giả đã đề cập đến một góc độ sâu trong nghiên cứu khoa học về truyền thông, đó là về lĩnh vực khoa học tâm lý. Cuốn sách đã giúp cho người đọc nhận thức được hiệu quả của hoạt động truyền thông không chỉ phụ thuộc vào nội dung, phương pháp, phương tiện để sử dụng trong truyền thông, mà còn phụ thuộc vào một số yếu tố rất quan trọng, đó là tâm lý của chủ thể, tâm lý của đối tượng và cả các hiện tượng, quy luật tâm lý trong truyền thông. Do đó, sự thành công của công tác truyền thông phụ thuộc rất lớn vào việc hiểu biết và vận dụng các quy luật tâm lý trong truyền thông.

- Một số công trình khoa học tiêu biểu nghiên cứu về quyền con người

Về các cuốn sách: Cuốn sách *Luật quốc tế về QCN (2005)* của Viện nghiên cứu về QCN, Nxb Lý luận chính trị; cuốn sách *Luật quốc tế về QCN- Những vấn đề cơ bản* (2011) của Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Lao động xã hội; cuốn sách *Luật quốc tế về quyền của nhóm dễ bị tổn thương* (2011) của Đại học Quốc gia Hà nội, Nxb Lao động - Xã hội và cuốn sách *Lý luận và pháp luật về QCN (2019)*, dành cho hệ cao cấp Lý luận chính trị của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nxb Lý luận chính trị. Những cuốn sách trên đã hệ thống hoá và phân tích làm rõ pháp luật quốc tế về QCN.

Cuốn sách *Tư tưởng Việt Nam về QCN* của tác giả Phạm Hồng Thái (2016), Nxb

Chính trị quốc gia, tác giả đã trung phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về QCN và bảo đảm QCN ở Việt Nam. Cuốn sách bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Phương pháp luận nghiên cứu về QCN, nguồn gốc tư tưởng QCN ở Việt Nam, tư tưởng về QCN ở Việt Nam thời kỳ nhà nước phong kiến độc lập, tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN, tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam về QCN và tư tưởng về QCN trong pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN* của tác giả Lại Thị Thanh Bình (2020), Nxb Chính trị quốc gia sự thật. Cung cấp cho độc giả một số vấn đề lý luận chung về QCN trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích các khái niệm công cụ; quá trình hình thành, phát triển và phương pháp tiếp cận; hệ thống hóa và phân tích các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN góp phần định hướng thực thi và bảo vệ QCN ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng trưởng xanh và hội nhập quốc tế.

Cuốn sách *Xu hướng mới về QCN* của tác giả Nguyễn Văn Cương và Trương Hồng Quang (2021), Nxb Chính trị, quốc gia sự thật. Cuốn sách đã làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về QCN, chỉ ra xu hướng mới về QCN và đánh giá thực tiễn một số xu hướng mới này ở Việt Nam hiện nay.

Về các bài báo:

Bài báo “*Một số nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục QCN hiện nay*”, đăng trên Tạp chí điện tử Nghiên cứu lập pháp ngày 1/5/ 2016 của tác giả Vũ Anh Tuấn, đã luận giải những nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục QCN ở Việt Nam đó là: Truyền thống (tư tưởng nhân văn, trọng tình hơn trọng lý, đề cao cộng đồng), điều kiện sinh hoạt vật chất, chương trình và nội dung giáo dục, hệ thống chính sách, pháp luật và những luận điệu bôi nhọ, lợi dụng QCN.

Bài báo “*Nội dung truyền thông về QCN ở Việt Nam*” đăng trên tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, ngày 17/9/ 2022 của tác giả Lan Thu, tác giả đã xác định nội dung cơ bản của truyền thông về QCN ở Việt Nam gồm: Phổ biến, giáo dục kiến thức về QCN; tuyên truyền về các nỗ lực và thành tựu bảo đảm QCN; giải thích, làm rõ, phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc về tình hình QCN ở Việt Nam.

Bài báo “*Việt Nam tích cực tuyên truyền, giáo dục về QCN*” của tác giả Hương Linh đăng trên tạp chí điện tử Cộng sản ngày 20/9/ 2023; Tác giả đã chỉ ra QCN là

thành quả đấu tranh lâu dài của loài người, là giá trị chung của nhân loại và cho rằng hiểu biết đúng đắn về QCN cũng như các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về QCN là điều kiện tiên quyết để bảo vệ, thúc đẩy QCN một cách hiệu quả. Hơn nữa, bài báo đã xác định giáo dục QCN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức xã hội, giúp ngăn ngừa, hạn chế vi phạm QCN. Đã phân tích, làm rõ việc tuyên truyền về QCN đã được Đảng, chính phủ Việt Nam quan tâm đẩy mạnh bằng nhiều hình thức khác nhau với những nội dung cơ bản: Phổ biến, giáo dục kiến thức về QCN; tuyên truyền về các nỗ lực và thành tựu bảo đảm QCN; giải thích, làm rõ, phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc về tình hình QCN ở Việt Nam. Trong đó, ưu tiên khai thác hiệu quả thế mạnh của truyền thông trên các nền tảng số.

Bài báo: "Tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN" của tác giả Nguyễn Tiến Dũng đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 2 (Số 389), tháng 9/2-23 đã phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về QCN, khẳng định QCN luôn gắn với các quyền cơ bản của dân tộc Việt Nam và đề ra phương hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, "tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ QCN, quyền công dân" (ĐHXIII) vì QCN là tự nhiên nhưng phải được pháp luật quy định. Tác giả phân tích QCN là không tách rời nghĩa vụ, trách nhiệm đối với cộng đồng; khẳng định những thành tựu về bảo đảm QCN tại Việt Nam và đề xuất phương hướng thúc đẩy và bảo đảm QCN trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Bài báo: "*Nâng cao hiệu quả truyền thông về QCN tại Việt Nam*" của tác giả Thu Uyên đăng trên tạp chí điện tử Xây dựng Đảng, ngày 9/10/ 2023. Ngoài việc xác định nội dung của truyền thông về QCN theo Đề án 1079 của Chính phủ, tác giả đã bước đầu chỉ ra những yêu cầu mới của công tác truyền thông trong kỷ nguyên số, trên cơ sở đó tác giả đề cập đến định hướng nâng cao hiệu quả của truyền thông về QCN đó là: Các bộ, ngành và địa phương cần nhanh chóng ban hành kế hoạch tổng thể và cụ thể về truyền thông QCN, để từ đó có lộ trình, bước đi, đội ngũ và nguồn lực triển khai công tác truyền thông một cách bài bản, chuyên nghiệp.

1.2. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu

Những công trình khoa học nghiên cứu về QCN đã luận giải sâu sắc một số vấn đề lý luận về QCN, những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế về QCN, những quan điểm, lý luận và thực tiễn thực hiện về QCN ở Việt Nam. Gần đây, một số công trình đã bước đầu tập trung nghiên cứu về việc truyền thông về QCN ở Việt Nam dưới góc độ các bài báo đăng trên các tạp chí điện tử đã gợi mở về nội dung truyền thông về QCN, giúp cho tác giả có thể kế thừa trong triển khai nghiên cứu đề tài.

Những công trình nghiên cứu về truyền thông đã luận giải một số vấn đề lý luận về truyền thông như khái niệm, đặc điểm, cơ chế, các yếu tố cơ bản của truyền thông và tác động mạnh mẽ của truyền thông đến đời sống xã hội. Tuy nhiên, truyền thông mới chỉ được tiếp cận nhiều ở góc độ truyền thông xã hội, truyền thông đại chúng thông qua các phương tiện như sách, báo điện tử, báo viết, truyền hình về vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.... Vấn đề truyền thông về QCN cho SV trong trường đại học cho đến nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu có tính hệ thống, chuyên sâu. Hơn nữa, thực tiễn công tác truyền thông về QCN ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hiện nay cũng còn nhiều lúng túng trong việc triển khai thực hiện. Đây là một vấn đề còn bỏ ngỏ, đã định hướng cho chúng tôi tập trung nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả của truyền thông về QCN cho SV Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, góp phần thực hiện thành công Đề án Truyền thông về QCN ở Việt Nam (Quyết định số 1079/QĐ-TTg ngày 14/9/2022) và Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân Quyết định số 1309/QĐ- TTg ngày 05/9/ 2017) của Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Phạm vi nội dung:* Đề tài tập trung nghiên cứu truyền thông trong nhà trường (cơ sở giáo dục đại học) và những nội dung cơ bản về QCN (khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN...) theo Quyết định số 1309/QĐ- TTg ngày 05/9/ 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân và theo quan điểm chỉ đạo của Đề án truyền thông về QCN ở Việt Nam (Quyết định số 1079/QĐ-TTg ngày 14/ 9/2022 của Thủ tướng Chính phủ);

- Phạm vi không gian: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (cơ sở Hà Nội)

- Phạm vi thời gian: 3 năm (2021 – 2023)

2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Truyền thông về QCN cho SV Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng

Phương pháp luận: Đề tài dựa trên quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về con người, QCN và truyền thông về QCN.

Phương pháp cụ thể:

Sử dụng kết hợp một số phương pháp: Phương pháp logic - lịch sử, phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa... nhằm làm rõ cơ sở lý luận của đề tài.

Sử dụng phương pháp thu thập, phân tích tài liệu, văn bản; quan sát; khảo sát, điều tra xã hội học (qua Phiếu thu thập thông tin, phỏng vấn sâu, xin ý kiến chuyên gia, phân tích dữ liệu điều tra) để đánh giá thực trạng và nguyên nhân thực trạng công tác truyền thông về QCN cho SV tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Đề tài thực hiện phương pháp thu thập thông tin đối với 49 VCQL, GV, CV ở các khoa, phòng ban; 316 SV của 17 ngành; phương pháp phỏng vấn sâu, xin ý kiến chuyên gia đối với 30 VCQL, GV, CV và 29 sinh viên ở các ngành.

Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, tổng kết kinh nghiệm để nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về QCN cho SV Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TRUYỀN THÔNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

3.1. Một số vấn đề lý luận về truyền thông và truyền thông về quyền con người cho sinh viên

3.1.1. Quyền con người

3.1.1.1. Khái niệm quyền con người

Cho đến nay đã có nhiều cách định nghĩa khác nhau về QCN từ các góc độ tiếp cận khác nhau: Pháp luật, chính trị, chính sách, giáo dục, đạo đức, văn hóa ... Tiêu biểu, có một số định nghĩa sau về QCN:

Trong tài liệu *Hỏi đáp về QCN* (2006) của Liên hợp quốc định nghĩa: "QCN là những gì bẩm sinh, vốn có của con người mà nếu không được bảo đảm thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người" [33, tr.4]

Trong cuốn sách *Việt Nam và vấn đề QCN* (2005), QCN được định nghĩa: "Là những đặc quyền (nhân phẩm, nhu cầu, lợi ích và năng lực vốn có của con người) được thừa nhận và bảo hộ bằng pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. QCN là quyền của tất cả mọi người" [6, tr. 27].

Các các định nghĩa trên đều thống nhất về QCN ở hai điểm cơ bản: (1) QCN là tự nhiên, vốn có, là nhân phẩm của con người; (2) QCN phải được pháp luật thừa nhận và bảo vệ (bao gồm cả pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia). Vì vậy, tác giả thống nhất với định nghĩa về QCN được nêu trong cuốn Tài liệu tập huấn tuyên truyền, giáo dục về QCN trong tuần sinh hoạt công dân – SV (Dành cho cán bộ phụ trách công tác SV) của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

“Quyền con người là các đặc quyền tự nhiên, bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của tất cả mọi người, được cộng đồng quốc tế và quốc gia thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế”[7, tr.4].

3.1.1.2. Các đặc trưng của quyền con người

QCN có các đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, QCN có tính phổ quát. Đặc trưng này khẳng định tính bẩm sinh vốn có của QCN, mọi người sinh ra đều có QCN và quyền đó là bình đẳng vì nó dành cho tất cả mọi người, không phân biệt lứa tuổi, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, màu da, sắc tộc, địa vị, lãnh thổ, khu vực địa lý.... Tất cả chúng ta được đối xử tôn trọng, bình đẳng như nhau, vì chúng ta là con người.

Thứ hai, QCN là không thể chuyển nhượng. Đặc trưng này khẳng định QCN là vĩnh viễn thuộc về con người; không thể mua, bán, lấy đi hoặc cho đi. Các quyền này không phải là sự ban phát, tùy tiện rút bỏ hay tước đoạt. Những vi phạm về QCN, quyền công dân cần được các quốc gia xử lý bằng những cơ chế, biện pháp kịp thời, hữu hiệu.

Thứ ba, QCN không thể phân chia. Đặc trưng này khẳng định tất cả các QCN đều có vị thế ngang nhau và không thể được đặt vào thứ tự cao thấp bởi nó là vốn có đối với nhân phẩm của mỗi người. Tính không thể phân chia của QCN, quyền công dân có nghĩa là các quyền dù ở lĩnh vực dân sự, chính trị hay kinh tế, xã hội và văn hóa thì chúng đều có tầm quan trọng như nhau và tạo nên một chỉnh thể thống nhất, đòi hỏi phải thực thi đồng thời. Không có nhóm quyền nào giữ vị trí cao hơn so với nhóm quyền khác.

Thứ tư, các QCN phụ thuộc, liên hệ lẫn nhau. Đặc trưng này khẳng định các QCN được kết nối với nhau nên trong thực tế việc thực thi một quyền thường phụ thuộc hoàn toàn hoặc một phần vào sự thực thi các quyền khác.

Như vậy, QCN là những đặc quyền mà mỗi con người bắt đầu từ khi sinh ra được thừa nhận, bảo đảm, bảo hộ bằng pháp luật và được hiện thực hóa trong thực tiễn. Trong đó có bốn mặt cơ bản: Nhân phẩm, nhu cầu, lợi ích và năng lực của mỗi người phải được tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm bằng pháp luật và trên mặt thực tế.

3.1.1.3. Những nguyên tắc cơ bản của quyền con người

Nguyên tắc bình đẳng

Mọi người sinh ra đều bình đẳng và có quyền được bình đẳng. Nguyên tắc bình đẳng là nguyên tắc áp dụng cho tất cả mọi quyền của con người bởi đã là con người thì đều có giá trị vốn có như nhau, bình đẳng với nhau và có quyền bình đẳng. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi sự bình đẳng đều ngang nhau; không có nghĩa là cào bằng mức độ hưởng thụ mà là bình đẳng về tư cách chủ thể và cơ hội thụ hưởng các QCN.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử

Không ai có thể bị phân biệt đối xử, hoặc bị đối xử ít thuận lợi hơn do bản thân họ có nơi sinh ra hoặc do màu da, giới tính, thành phần dân tộc, tôn giáo... nào đó.

Trong Tuyên ngôn phổ quát về QCN (UDHR) được Liên hợp quốc thông qua vào năm 1948 đã ghi nhận các quyền cơ bản và sự tự do cơ bản mà tất cả mọi người đều được hưởng. Trong đó, nguyên tắc về bình đẳng và không phân biệt đối xử được nêu cụ thể:

Điều 1: Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền.

Điều 2: Mọi người đều được hưởng tất cả những quyền và tự do nêu trong Bản tuyên ngôn này, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay địa vị xã hội.

Điều 7: Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau không có bất cứ sự phân biệt nào. Tất cả mọi người đều được bảo vệ như nhau chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử vi phạm và bản tuyên ngôn này khẳng định sự chống lại mọi hành vi xúi giục phân biệt đối xử.

Nguyên tắc nhân phẩm và sự tôn trọng

Nhân phẩm và tôn trọng là giá trị cốt lõi của QCN. Mặc dù nhân phẩm là khái niệm có nhiều tranh luận từ góc độ đạo đức, triết học, pháp lý nhưng đều được hiểu là một giá trị gắn liền với chính mỗi con người và nó không thể chuyển nhượng, không thể bị tước đoạt hay cho đi. Nhân phẩm là giá trị vốn có của mỗi cá nhân đáng được tôn trọng và khi được tôn trọng sẽ mang lại cho cá nhân QCN. Sự tôn trọng đề cập đến nhu cầu công nhận các quan điểm, ước muốn, phẩm chất và sự khác biệt với người khác. Để bảo vệ nhân phẩm thì phải cấm một số hành vi chà đạp lên sự toàn vẹn về thể chất và tinh thần của một con người và thực hiện các QCN.

Như vậy, những nguyên tắc cơ bản hay còn gọi là giá trị cơ bản của quyền con người phải được áp dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để bảo đảm quyền con người được thực thi trong thực tiễn cuộc sống.

3.1.1.4. Những quyền cơ bản của con người

Những quyền cơ bản của con người theo các chuẩn mực quốc tế về QCN dựa trên cơ sở Tuyên ngôn thế giới về QCN (UDHR, 1948), Liên hợp quốc đã thông qua 02 Công ước quốc tế cơ bản về QCN (1966): Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR); Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR). Theo đó, một sự thừa nhận chung rằng, QCN có 2 nhóm chính: Nhóm các quyền dân sự, chính trị và nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Thông qua cơ chế Hiến pháp, các nhóm quyền này cũng trở thành nội dung cơ bản của quyền công dân.

Nhóm các quyền dân sự, chính trị bao gồm những quyền: Quyền sống; quyền không bị tra tấn, hạ nhục; quyền không bị bắt làm nô lệ; quyền tự do và an ninh cá

nhân; quyền có quốc tịch; quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền tự do đi lại, lựa chọn nơi cư trú; quyền về sự riêng tư; quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng; quyền tự do ngôn luận; quyền tự do hội họp và lập hội; quyền bầu cử, ứng cử và tham gia điều hành các công việc xã hội...

Nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa bao gồm: Quyền làm việc; quyền được thành lập và gia nhập công đoàn; quyền được hưởng an sinh xã hội; quyền có mức sống thích đáng; quyền đạt tới một tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất có thể; quyền được giáo dục; quyền được tham gia vào đời sống văn hóa; quyền có nơi ở thích đáng; quyền được tiếp cận với nước ...

Những QCN được nêu ở trên là phổ quát, không thể chuyển nhượng, có tính phụ thuộc và liên hệ lẫn nhau, song khi thực thi QCN, trong một số trường hợp QCN có thể bị hạn chế hoặc tạm đình chỉ thực hiện theo quy định và giới hạn này phải vì các mục đích: An ninh quốc gia; Trật tự công cộng; Sức khỏe và đạo đức xã hội; Quyền và tự do của người khác, hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Các quyền có thể chịu giới hạn như: Quyền tự do đi lại, cư trú; Quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng; Quyền tự do ngôn luận, quyền tự do lập hội; Quyền hội họp hòa bình ... Việc tạm đình chỉ thực hiện quyền cũng phải trong bối cảnh khẩn cấp quốc gia và những quy định cụ thể khác của pháp luật quốc tế.

Quyền cơ bản của con người cũng được xem xét ở góc độ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương là những nhóm, cộng đồng có vị thế về chính trị, xã hội hoặc kinh tế thấp hơn, từ đó khiến họ có nguy cơ bị bỏ quên hay bị vi phạm các QCN. Bởi vậy, họ cần được chú ý bảo vệ đặc biệt so với những nhóm, cộng đồng người khác. Cơ sở quan trọng nhất để xác định các nhóm dễ bị tổn thương là tình trạng phân biệt đối xử dựa trên giới tính, chủng tộc, nguồn gốc, tuổi tác, tôn giáo, tín ngưỡng, ngôn ngữ, địa vị xã hội và các tình trạng khác ... Nhóm dễ bị tổn thương gồm: Trẻ em, phụ nữ, người tị nạn, người không có quốc tịch, người thiểu số, người bản địa, người lao động di cư, người khuyết tật, người cao tuổi, người sống chung với HIV/AIDS, nhóm LGBT+,... Nhóm này có thể bổ sung theo sự phát triển của lịch sử nhân loại.

3.1.1.5. Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ quyền con người ở Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn trong nước, quốc tế, Đảng ta đã không ngừng đổi mới nhận thức về vấn đề QCN thể hiện qua các quan điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, QCN là giá trị chung của nhân loại.

Thứ hai, trong xã hội phân chia giai cấp đối kháng, QCN mang tính giai cấp sâu sắc.

Thứ ba, QCN không tách rời độc lập dân tộc và thuộc phạm vi chủ quyền quốc gia.

Thứ tư, QCN không tách rời lịch sử, truyền thống và trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của mỗi quốc gia.

Từ quan điểm này, Đảng và Nhà nước Việt Nam cho rằng: “Không thể áp đặt hoặc sao chép máy móc các tiêu chuẩn, mô thức của nước này cho nước khác” [2]. Quan điểm này khẳng định khía cạnh đặc thù trong thực hiện QCN, là cơ sở bác bỏ mọi sự sao chép, áp đặt các mô hình dân chủ, nhân quyền; đồng thời đòi hỏi phải chủ động, sáng tạo trong việc bảo đảm QCN phù hợp với thực tiễn mỗi quốc gia.

Các nước phương Tây luôn nhấn mạnh tính phổ quát của QCN, vừa nhằm áp đặt tiêu chuẩn nhân quyền của họ cho mọi quốc gia, vừa tự cho phép bảo vệ QCN ở mọi nơi, bất chấp chủ quyền của quốc gia khác. Tuy nhiên, thực tế thế giới cho thấy sự phát triển “không đều” về mọi mặt giữa các quốc gia, nên QCN luôn phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của mỗi nước, biểu hiện tính đặc thù phải được tôn trọng trong thực hiện QCN. Đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, để thực hiện đầy đủ “chuẩn mực nhân quyền chung” còn là quá trình lâu dài nên mỗi quốc gia có quyền lựa chọn các giải pháp tối ưu nhằm cân bằng giữa ổn định xã hội với bảo đảm đầy đủ QCN, có thể xây dựng lộ trình trong việc thực hiện các cam kết về QCN. Trong quá trình đó đương nhiên là phải hướng tới cái phổ quát, tới sự phát triển tiến bộ, tôn trọng nhân phẩm cho tất cả mọi người, tránh tuyệt đối hóa cái đặc thù.

Thứ năm, QCN là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa

Đảng ta khẳng định: “Đối với chúng ta, vấn đề QCN được đặt ra xuất phát từ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ ta (...) Chỉ dưới tiền đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì QCN mới được bảo đảm rộng rãi, đầy đủ, trọn vẹn nhất”[2].

Chế độ xã hội chủ nghĩa là sự kế tiếp chế độ tư bản hiện đại. Về lý thuyết, xã hội ấy kế thừa được những thành tựu tốt đẹp nhất của chế độ tư bản; đồng thời luôn tìm phương thức xóa bỏ bất công, hiện thực hóa đầy đủ các QCN. Trên cơ sở ấy, QCN thể hiện rõ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan điểm này cũng nhằm khẳng định lại

mục tiêu xóa bỏ nguồn gốc sâu xa của mọi vi phạm nhân quyền, được sinh ra bởi chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Đồng thời xác định rõ, việc bảo đảm tối đa QCN thuộc bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu hướng tới của các nhà nước do những người cộng sản lãnh đạo. Quan điểm này được thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đảng XIII: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”[11, tr11].

Thứ sáu, QCN được ghi nhận, bảo vệ bằng pháp luật

Thực tiễn cho thấy, bảo đảm bằng pháp luật là một trong những điều kiện quan trọng nhất để các QCN được thực hiện. Mọi nhu cầu hay yêu sách về quyền nếu không được pháp luật ghi nhận và bảo vệ thì không thể có bất cứ QCN nào. QCN khi được pháp luật và xã hội ghi nhận trở thành ý chí của toàn dân, buộc cả xã hội phải phục tùng và nhà nước phải hết sức bảo vệ.

Thứ bảy, QCN không tách rời nghĩa vụ, trách nhiệm cá nhân

Những người cổ vũ cho thuyết “nhân quyền phổ quát”, “nhân quyền tuyệt đối” luôn bác bỏ nghĩa vụ cá nhân khi thực thi nhân quyền. Ngày nay, các nước phương Tây vẫn cho rằng “nhân quyền không kèm nghĩa vụ”; nghĩa là, khi nói nhân quyền thì chỉ đề cập nghĩa vụ của nhà nước, chứ không thể nói nghĩa vụ của cá nhân. Quan điểm này đã tác động vào Việt Nam, dẫn đến những nhận thức mơ hồ về nghĩa vụ cá nhân - con người khi hưởng thụ quyền.

Trên thực tế, ở bất cứ quốc gia nào, người dân cũng phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định, theo quy định của pháp luật, không chỉ trên tư cách công dân mà còn cả tư cách con người đối với xã hội mà mình đang sinh sống. Tuyên ngôn nhân quyền phổ quát (1948), các công ước nhân quyền quốc tế và khu vực luôn ghi rõ điều này. Đây là cơ sở để Đảng, Nhà nước luôn nhấn mạnh (thể hiện trong Chỉ thị số 12 năm 1992 của Ban Bí thư và Hiến pháp năm 2013): “Quyền dân chủ, tự do của mỗi cá nhân không tách rời nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, pháp luật”. Quan điểm này có ý nghĩa hết sức quan trọng, vì nó chỉ ra được cách thức giải quyết một trong những mối quan hệ cơ bản nhất của vấn đề nhân quyền, khắc phục được cách hiểu phiến diện, cực đoan về nhân quyền.

Các quan điểm nói trên của Đảng nhìn chung tương đồng với quan điểm của nhiều quốc gia trên thế giới về QCN; có giá trị định hướng cho mọi hoạt động của Nhà nước Việt Nam nhằm bảo vệ, đấu tranh trên lĩnh vực QCN trong thời kỳ mới. Từ đó, Đảng ta đề ra những chủ trương bảo vệ QCN ở Việt Nam thể hiện qua 6 luận điểm quan trọng sau:

Giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ hàng đầu để bảo đảm QCN ở Việt Nam.

Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa; bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cơ chế bảo vệ quyền con người.

Quyền con người cần được tôn trọng, ghi nhận, bảo vệ bởi pháp luật.

Thực hiện quyền con người, gắn quyền với nghĩa vụ cá nhân.

Sau khi trở thành thành viên Liên hợp quốc, Việt Nam đã tích cực tham gia các điều ước quốc tế QCN. Việc tham gia hệ thống nhân quyền quốc tế đặt ra nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo vệ QCN. Với tư cách thành viên các điều ước quốc tế về QCN, Nhà nước Việt Nam rất coi trọng việc thực hiện các cam kết quốc tế. Điều 12, Hiến pháp 2013 ghi rõ, Việt Nam “tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”

Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành về QCN được đánh dấu bằng việc Nhà nước thông qua Hiến pháp 2013. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của quốc gia, trong đó thừa nhận các QCN, xác định chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, cùng với việc tổ chức nhà nước, tổ chức xã hội và cách thức bảo vệ Hiến pháp. Hiến pháp đánh dấu bước tiến mới về lập hiến, lập pháp; tư duy về QCN, về bảo vệ hiến pháp; bước tiến trong tổ chức bộ máy nhà nước. Lần đầu tiên ở Việt Nam, Hiến pháp ghi rõ: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, QCN về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật (...) QCN, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết

vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng” (Điều 14).

Ở chương II, Hiến pháp 2013 ghi nhận QCN gồm: Quyền sống; Quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác; Quyền bất khả xâm phạm về nơi ở, đời sống riêng tư; Quyền bảo đảm an sinh xã hội; Quyền kết hôn và ly hôn; Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hoá, sử dụng các cơ sở văn hoá; Quyền xác định dân tộc của mình, quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, quyền tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; Quyền được sống trong môi trường trong lành ... Một số QCN lần đầu tiên được hiến định như: Quyền sống, quyền không bị tra tấn (trước đây chỉ ghi quyền không bị “bức cung, nhục hình”), quyền hiến mô, hiến tạng, quyền an sinh xã hội, quyền được sống trong môi trường trong lành... Trên cơ sở các quyền hiến định, Nhà nước đẩy mạnh việc sửa đổi hệ thống pháp luật nhằm cụ thể hoá các QCN như: Luật Hành chính/Tổ tụng hành chính, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Báo chí, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Xuất bản, Luật Hôn nhân - Gia đình, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Luật Hoà giải tại toà án, Luật Giáo dục, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Phòng, chống HIV/AIDS, Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người, hiến lấy xác, Luật Đầu tư/thương mại, Luật Đất đai, Luật Môi trường; Nghị định quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước ... Đồng thời ban hành một số luật nhằm bảo vệ quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương: Luật Trẻ em; Luật Người cao tuổi; Luật Người khuyết tật; Luật Bình đẳng giới; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ... Việc xây dựng pháp luật, cách thức ban hành luật đang được đổi mới theo hướng ngày càng dân chủ, với sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức chính trị xã hội và cá nhân, dưới nhiều hình thức. Hệ thống pháp luật Việt Nam cũng luôn chú trọng lấy luật nhân quyền quốc tế làm điểm tham chiếu; chẳng hạn, việc tước tự do đều phải bằng quyết định của toà án; chính sách, pháp luật hình sự được xây dựng, hoàn thiện theo hướng nhân đạo (theo quan điểm “lấy người dân là trung tâm”); việc áp dụng một số quyền còn khá mới đối với xã hội Việt Nam (như “quyền im lặng”, “quyền suy đoán vô tội”, “quyền được bồi thường khi bị nhà nước làm oan sai”...). Có thể nói, hệ thống pháp luật Việt Nam ngày càng đầy đủ,

các luật ban hành từ sau năm 2013 đều đồng bộ. Đây là cơ sở chính trị, pháp lý cho việc bảo đảm, bảo vệ QCN ở Việt Nam.

Cơ chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam có đặc thù: Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, bao gồm Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; vai trò bảo vệ của các chủ thể được quy định trong Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của các tổ chức này; các cơ quan truyền thông, báo chí có vai trò quan trọng trong bảo vệ quyền con người; Nhà nước luôn khuyến khích sự tham gia của các chủ thể xã hội khác vào việc bảo vệ quyền con người.

3.1.1.6. Vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong bảo vệ quyền con người

Một trong những cơ chế quan trọng trong bảo vệ QCN ở Việt Nam là phát huy vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong bảo vệ quyền con người. Bộ Giáo dục và Đào tạo là một cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có vai trò chủ chốt trong bảo vệ quyền học tập của mọi người dân Việt Nam. Luật Giáo dục 2019 (số 43/ 2019/ QH14) xác định, tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, cần bảo đảm các yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục (thông qua chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục); nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học; phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên (Điều.7).

Luật Giáo dục cũng quy định, các cơ sở giáo dục, đào tạo có trách nhiệm bảo vệ học sinh, SV trước các hoạt động bị cấm trong trường học như truyền bá tôn giáo, lợi dụng hoạt động giáo dục để xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật và chống Nhà nước; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược; xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, người lao động của cơ sở giáo dục và người học (Điều. 20, 21, 22).

Trong trường học, cán bộ quản lý giáo dục giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động giáo dục; có trách nhiệm học tập, rèn luyện,

nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và thực hiện các chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật (Điều.18). Những quy định này đặt ra yêu cầu rất cao đối với cán bộ quản lý giáo dục; trong đó có việc cần giải quyết cân đối, hài hoà giữa tôn trọng nhân phẩm và quyền học tập của học sinh, SV với việc xử lý những vi phạm pháp luật và kỷ luật nhà trường, theo tinh thần nhân đạo, khoan dung của QCN.

Ngày 5/9/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Mục tiêu chung của Đề án là: “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục QCN nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước”[28].

Mục tiêu chương trình giáo dục QCN cho SV đại học (SV không thuộc khối trường đào tạo ngành luật, hành chính, nội chính (phạm vi nghiên cứu của đề tài) là: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về QCN, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp người học củng cố niềm tin, có thái độ đúng đắn và nhận thức được giá trị cao quý của QCN. Qua đó, tạo cho người học có ý thức tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN.

Quyết định số 1309 quy định nội dung cơ bản của chương trình giáo dục QCN cho SV đại học bao gồm 5 nội dung chính:

- a) Khái niệm, nguồn gốc, bản chất và tính chất của QCN, quyền công dân;
- b) Nội hàm của các QCN được quy định trong các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và các công ước quốc tế khác;
- c) Các QCN, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013 và các luật chuyên ngành; bảo vệ, bảo đảm quyền của các nhóm dễ tổn thương trong xã hội
- d) Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN, quyền công dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa;
- đ) Trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể (nhà nước, tổ chức, cá nhân) trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN, quyền công dân;
- e) Quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ, bảo đảm QCN, quyền công dân.

Chương trình giáo dục QCN cho SV đại học được xác định:

- Đưa các nội dung QCN vào chương trình chính khóa, cụ thể là học phần Pháp luật hoặc Pháp luật đại cương, với thời lượng ít nhất là 20 tiết cho tất cả các ngành đào tạo.

- Đưa các nội dung QCN vào chương trình ngoại khóa: Tất cả các trường đại học chủ động lựa chọn đưa nội dung về QCN vào các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng SV thông qua một số hoạt động ngoại khóa: Các hoạt động nghiên cứu khoa học, diễn án (ở các trường luật); Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về QCN; Chuyên mục giáo dục QCN trên trang thông tin điện tử; Một số hoạt động ngoại khóa khác phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường theo Chương trình giáo dục ngoại khóa do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tài liệu giáo dục bao gồm: Giáo trình cho các môn học riêng về QCN của các trường đại học thuộc khối trường chuyên luật, hành chính, nội chính; giáo trình đào tạo thạc sĩ pháp luật về QCN. Tài liệu tham khảo về QCN cho GV và người học (cả chương trình đại học và sau đại học).

3.1.2. Truyền thông và truyền thông về quyền con người cho sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học

3.1.2.1. Truyền thông

- *Khái niệm truyền thông*: Truyền thông là một quá trình mang tính liên tục, tạo nên sự liên kết lẫn nhau giữa chủ thể truyền thông và đối tượng truyền thông nhằm trao đổi hoặc chia sẻ thông tin dẫn tới sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi của các đối tượng tham gia truyền thông.

- Đặc điểm của truyền thông

+ Là một quá trình, không phải là một việc làm nhất thời, trong thời gian ngắn hạn
+ Là một dạng hoạt động xã hội cơ bản của con người. Thông qua truyền thông – giao tiếp, mối liên hệ giữa con người với con người được thiết lập và củng cố

+ Có tính hướng đích. Truyền thông không chỉ nhằm cố gắng tạo lập sự hiểu biết giữa các con người mà còn muốn làm thay đổi nhận thức, hành vi của đối tượng được truyền thông.

- *Cơ chế hoạt động của truyền thông*: Truyền thông là quá trình chuyển tải, chia sẻ, trao đổi thông tin bao gồm nhiều bước, có thể khái quát cơ chế đó trong công thức: “*Ai nói gì? Theo kênh nào? Tới ai? Tác động gì?*”.

- *Các yếu tố cơ bản của quá trình truyền thông*: Nguồn phát – thông điệp – kênh truyền tải – nguồn nhận – phản hồi.

Đây là một chu trình của một quá trình truyền thông, điểm kết thúc của quá trình này đồng thời lại là điểm khởi đầu cho một quá trình khác.

- *Phân loại truyền thông*: Truyền thông trực tiếp, Truyền thông gián tiếp, Truyền thông nội cá nhân, Truyền thông liên cá nhân, Truyền thông nhóm, Truyền thông đại chúng.

3.1.2.2. *Truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học*

- *Khái niệm truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học*: Là một quá trình liên tục chuyển tải, chia sẻ và phổ biến thông tin giữa nhà trường với người học nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, điều chỉnh thái độ và hành vi phù hợp với mục tiêu giáo dục, đào tạo của nhà trường và xu hướng phát triển của xã hội.

- *Đặc điểm của truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học*:

+ Là một quá trình chuyển tải và phổ biến thông tin liên tục giữa nhà trường với SV trong khuôn khổ thời gian hành chính hoặc xuyên suốt 24/24 giờ.

+ Là quá trình chuyển tải và phổ biến những thông tin giáo dục và đào tạo của nhà trường đến SV thuộc trường.

+ Nhằm mục đích tuyên truyền, phổ biến, giáo dục SV giúp SV nâng cao nhận thức, điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với mục tiêu giáo dục và đào tạo của nhà trường và sự phát triển của xã hội.

- *Các yếu tố cơ bản của truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học*: Nguồn phát – thông điệp – kênh truyền tải – nguồn nhận – phản hồi.

Nguồn phát của truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học là các *chủ thể* mang tính thể chế (nhà trường) hoặc tập thể (phòng, khoa, bộ môn, Đoàn Thanh niên, Hội SV), cá nhân (GV bộ môn, cố vấn học tập/GV chủ nhiệm, CV khoa, phòng, cán bộ lớp...). Nguồn phát có tính pháp lý cao nhất, tác động rộng lớn nhất là “nhà trường”; tiếp theo là các tập thể trong tổ chức bộ máy thuộc trường và cá nhân là GV, cố vấn học tập, CV... ở các khoa, đơn vị chức năng, Đoàn thanh niên, Hội SV.

Thông điệp (M – Message): Thông điệp truyền thông trong nhà trường rất phong phú và đa dạng, nhưng có thể phân chia theo các lĩnh vực giáo dục và đào tạo như: Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, pháp luật; định hướng hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học; chế độ chính sách, thi đua, khen thưởng; công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong nhà trường; tuyển sinh, hướng nghiệp, tư vấn việc làm... (*truyền thông về QCN cho SV thuộc mảng giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, pháp luật*)

Kênh truyền tải (C – Chanel): Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin, kênh truyền tải của truyền thông trong các trường đại học không ngừng phát triển đa dạng và tiện lợi thông qua hai hình thức trực tiếp và gián tiếp. Đặc thù của truyền thông trong nhà trường là tác động đến SV thông qua rất nhiều kênh/hoạt động của các lực lượng giáo dục trong nhà trường: Hoạt động giảng dạy trong những giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa bắt buộc (thực tập, thực tế, thực địa) hoạt động ngoại khóa không bắt buộc (tham gia các câu lạc bộ, các hoạt động chính trị - xã hội nhân ngày lễ lớn của nhà trường và của đất nước ...); thông qua nhiều công cụ, phương tiện truyền thông như văn bản, Website của Trường, tạp chí khoa học của Trường, bảng tin, mạng xã hội của Trường và SV của Trường (Zalo, Facebook, Fanpage, Instagram, TikTok, YouTube...)

Kênh truyền tải trực tiếp là loại truyền thông theo kiểu 1 – 1 (1 GV bộ môn – 1 SV; 1 cố vấn học tập/GV chủ nhiệm – 1 SV; 1 CV phòng ban – 1 SV); kiểu truyền thông 1 – 1 nhóm (1 GV- 1 nhóm thuộc lớp hoặc 1 lớp); truyền thông trong nhóm (thảo luận nhóm trong SV). Với loại hình truyền thông này, GV bộ môn với các bài giảng; GV chủ nhiệm, cán sự lớp, CV phòng ban chức năng thuộc trường chuyển tải đến SV những thông tin đa dạng, cập nhật. Kênh truyền tải gián tiếp là hệ thống các văn bản của các khoa, phòng, bảng tin, Website, Tạp chí khoa học của trường, băng rôn, khẩu hiệu, mạng xã hội của Trường và SV của Trường (Zalo, Facebook, Fanpage, Instagram, TikTok, YouTube...) trong khuôn viên, phạm vi của nhà trường trên thực tế và không gian ảo.

Nguồn nhận (R – Receiver): Nếu như với truyền thông đại chúng, nguồn nhận là công chúng rộng rãi trong xã hội thì nguồn nhận của truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học là SV, học viên thuộc trường. Tất nhiên, với sức mạnh của công nghệ thông tin

ngày nay, thông tin truyền thông của một cơ sở giáo dục đại học không thể nói là hoàn toàn đóng kín trong khuôn khổ của nhà trường.

Phản hồi (F – Feedback): Là dòng chảy của thông tin từ đối tượng của truyền thông (SV) về nguồn phát, đó chính là ý kiến đánh giá, bình luận hoặc nhu cầu thông tin đòi hỏi nguồn phát phải có những cải tiến, bổ sung, hoàn thiện liên tục.

Hiệu quả (E – Effect): Là sự chuyển dịch trong nhận thức, thái độ, suy nghĩ và hành vi của đối tượng nhận thông tin. Sự chuyển dịch này được đánh giá theo hệ thống mục tiêu giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học thể hiện trên ba mặt: nhận thức, kỹ năng, thái độ.

Nhiễu (N – Noise): Nhiễu thông tin là các yếu tố xã hội và kỹ thuật trong phạm vi nhà trường ảnh hưởng đến định hướng thông tin do nguồn phát đã sắp đặt hoặc những yếu tố khách quan.

Như vậy, truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học có những đặc điểm riêng thể hiện qua nội dung, hình thức, chủ thể và đối tượng xác định nằm trong các cơ sở giáo dục đại học và luôn hướng tới thực hiện những mục tiêu giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi nhà trường.

3.1.2.3. Truyền thông về quyền con người cho sinh viên ở cơ sở giáo dục đại học

Khái niệm truyền thông về QCN cho SV

Theo Từ điển Tiếng Việt, *truyền thông* về QCN cho SV được hiểu là quá trình thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục SV về QCN. *Tuyên truyền* là phổ biến, giải thích rộng rãi để thuyết phục mọi người tán thành, ủng hộ, làm theo [24, tr.1367]. *Phổ biến* là thường thấy, thường gặp ở nhiều nơi, nhiều người [24, tr.1010]. *Giáo dục* là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất, năng lực như yêu cầu đề ra [24, tr.510].

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1079/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án truyền thông về QCN ở Việt Nam. Một trong những quan điểm quan trọng của Đề án được xác định: Công tác truyền thông về QCN phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, với hình thức đa dạng để mọi tầng lớp nhân dân *hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật* về QCN; đấu tranh, phê phán

những quan điểm, luận điệu sai trái về QCN. Đề án truyền thông về QCN ở Việt Nam nhằm hướng tới mục tiêu: *Tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hiểu biết của toàn xã hội về các QCN; thông tin đầy đủ giúp người dân trong nước, đồng bào ở nước ngoài và bạn bè quốc tế hiểu rõ về quan điểm, chủ trương, nỗ lực và kết quả đạt được trong công tác bảo vệ và thúc đẩy QCN ở Việt Nam; nâng cao uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực QCN ở phạm vi trong nước, khu vực và trên thế giới.*

Quan điểm và mục tiêu của Đề án truyền thông về QCN ở Việt Nam hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có giáo dục đại học là: *“Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục QCN nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.*

Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân xác định đối với SV không thuộc khối trường đào tạo ngành luật, hành chính, nội chính là: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về QCN, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp người học củng cố niềm tin, có thái độ đúng đắn và nhận thức được giá trị cao quý của QCN. Qua đó, tạo cho người học có ý thức tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN.

Từ đó, có thể định nghĩa: *Truyền thông về QCN cho SV là quá trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thường xuyên, liên tục về QCN cho SV nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của SV về QCN; nâng cao ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.*

Từ đó, có thể hiểu truyền thông về QCN cho SV là quá trình tác động một cách có hệ thống của chủ thể giáo dục tới SV; phổ biến, giải thích cho SV về QCN, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN; thành tựu đạt được của Việt Nam về bảo đảm QCN để thuyết phục SV tán thành, ủng hộ, làm theo.

Đặc điểm của truyền thông về QCN cho SV: là một quá trình thường xuyên, liên tục của các chủ thể giáo dục trong nhà trường tác động đến đối tượng truyền thông là SV nhằm tăng cường sự trao đổi, hiểu biết, chia sẻ thông tin, kiến thức về QCN; quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giá trị cao quý của QCN; thành tựu đạt được của Việt Nam về bảo đảm QCN nhằm làm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của SV; bảo đảm QCN được tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm trong môi trường học tập, rèn luyện của SV tại nhà trường.

Cơ chế truyền thông về QCN cho SV thể hiện qua các yếu tố cơ bản của truyền thông: Nguồn phát – thông điệp – kênh truyền tải – nguồn nhận – phản hồi.

Nguồn phát của truyền thông về QCN cho SV là các chủ thể giáo dục trong cơ sở giáo dục đại học: nhà trường, tập thể (phòng, ban, khoa, tổ, Đoàn Thanh niên, Hội SV), cá nhân (GV bộ môn, cố vấn học tập/GV chủ nhiệm, CV khoa, phòng, cán sự lớp...) có chức năng, nhiệm vụ giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật cho SV trong đó có nội dung về QCN.

Thông điệp/nội dung truyền thông:

- *Căn cứ xác định nội dung truyền thông về QCN cho SV*

Quyết định số 1079/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án truyền thông về QCN ở Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ có đề cập các nội dung truyền thông bao gồm 3 nội dung chính: (1) phổ biến, giáo dục kiến thức về QCN; (2) tuyên truyền về các nỗ lực và thành tựu bảo đảm QCN; (3) giải thích, làm rõ, phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc về tình hình QCN ở Việt Nam.

Quyết định số 1309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân như đã được nêu ở phần trên.

- *Nội dung truyền thông QCN cho SV:*

+ *Truyền thông (tuyên truyền, phổ biến, giáo dục) kiến thức về QCN, bảo vệ, bảo đảm QCN cho SV.*

Truyền thông về QCN cho SV là chia sẻ thông tin, trang bị kiến thức về QCN (khái niệm, đặc trưng, những nguyên tắc, những quyền cơ bản của con người; ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN, quyền công dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN) cho SV. Trên cơ sở đó, SV

có kiến thức, hiểu biết đầy đủ, đúng đắn về QCN; tạo sự chuyển biến trong nhận thức của SV về tầm quan trọng của việc bảo vệ QCN; nâng cao năng lực tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác.

+ Truyền thông (*tuyên truyền, phổ biến, giáo dục*) *quan điểm, chủ trương của Đảng về QCN.*

Truyền thông tổ chức các hình thức truyền thông qua các kênh trong nhà trường để tuyên truyền, phổ biến cho SV về quan điểm của Đảng về việc bảo vệ, bảo đảm QCN là phản ánh bản chất của chế độ XHCN, Nhà nước pháp quyền XHCN và luôn gắn với độc lập dân tộc; việc bảo đảm QCN vừa là mục tiêu, động lực của cách mạng, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của mọi người dân trong đó có SV. Trên cơ sở đó, SV có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về quan điểm, chủ trương của Đảng về QCN; tin tưởng, ủng hộ; nâng cao tinh thần trách nhiệm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ, bảo đảm QCN gắn với công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, hướng tới xây dựng xã hội tự do, bình đẳng, hạnh phúc và thịnh vượng cho tất cả mọi người.

+ Truyền thông (*tuyên truyền, phổ biến, giáo dục*) *chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN.* QCN là tự nhiên nhưng phải được pháp luật thừa nhận và bảo vệ bằng Hiến pháp và hệ thống pháp luật.

Cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo vệ, bảo đảm QCN, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật về bảo vệ, bảo đảm QCN thể hiện trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật. Truyền thông trong nhà trường sẽ chuyển tải những nội dung cơ bản về chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN nhằm giúp SV nâng cao nhận thức, hình thành thái độ tích cực; rèn luyện bản lĩnh, ý chí thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, bảo đảm QCN.

Trên cơ sở được truyền thông về chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN giúp SV tránh được cách hiểu phiến diện, cực đoan về vấn đề QCN, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm QCN của bản thân và người khác; nâng cao trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội bởi như C.Mác viết “Không có quyền lợi nào mà không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi” [9, tr.16]. Đây là một nguyên tắc mà trong luật quốc tế và luật của bất cứ quốc gia nào cũng phải tuân thủ.

Luật quốc tế về QCN luôn đặt ra vấn đề quyền và nghĩa vụ của công dân như trong Lời nói đầu hai công ước QCN năm 1966 đã nhấn mạnh “mỗi cá nhân trong khi được hưởng thụ các quyền cần tôn trọng tự do của người khác và tôn trọng trật tự xã hội, lợi ích của cộng đồng”. Ở nước ta, Đảng ta cũng luôn khẳng định “quyền dân chủ, tự do của mỗi cá nhân không tách rời nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, pháp luật” [1, tr.13].

+ Truyền thông (*tuyên truyền, phổ biến, giáo dục*) về những nỗ lực, thành tựu bảo đảm QCN ở Việt Nam; chống lại những luận điệu bôi nhọ, xuyên tạc, bóp méo về việc bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam; đấu tranh chống các âm mưu, hoạt động lợi dụng dân quyền, nhân quyền để gây rối trật tự xã hội, an ninh quốc gia.

Bồi sinh viên là những người có tuổi đời còn rất trẻ, họ có nhiều hoài bão, ước mơ, dám làm, sẵn sàng vượt qua những khó khăn thử thách, cống hiến sức lực và trí tuệ của mình cho mục tiêu cao cả của dân tộc. Tuy nhiên, ở họ cũng có những hạn chế nhất định, tuổi đời còn ít, kinh nghiệm cuộc sống chưa nhiều, lại thiếu từng trải. Do đó, có nhiều lúc còn bồng bột, thiếu chín chắn trong suy nghĩ và hành động. Vì vậy, tuyên truyền về tình hình, nỗ lực và những thành tựu bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực. Chẳng hạn, bảo đảm QCN trong chính trị (thực hiện quyền bầu cử); trong kinh tế (xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống người dân, các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương)... Tuyên truyền các giá trị đạo đức hướng thiện, lối sống nhân văn, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong xã hội Việt Nam. Tuyên truyền về những đánh giá tích cực của dư luận, truyền thông quốc tế về bảo đảm, phát triển QCN của Việt Nam.

Nội dung truyền thông cũng đề cập tới việc giải thích, phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc về tình hình QCN ở Việt Nam (Trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể (nhà nước, tổ chức, cá nhân) trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN, quyền công dân).

Trên cơ sở đó, nâng cao ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của SV đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước. Từ đó, sinh viên có đủ nhận thức, bản lĩnh để đề kháng lại sự tuyên truyền chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh.

- *Kênh truyền tải* (công cụ, phương tiện, cách thức, phương thức truyền thông) sẽ rất phong phú cả trên không gian thực (giờ chính khóa, ngoại khóa) và không gian ảo (Webside trường, Fanpage, Facebook, zalo... trong nhà trường).

Các kênh truyền tải truyền thông QCN tới SV thực hiện theo sự định hướng quy định tại Quyết định số 1309: Chương trình chính khóa (học phần pháp luật hoặc pháp luật đại cương, với thời lượng ít nhất là 20 tiết cho tất cả các ngành đào tạo); Chương trình ngoại khóa: lựa chọn đưa nội dung về QCN vào các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng SV thông qua các hoạt động ngoại khóa như: hoạt động nghiên cứu khoa học, diễn án đối với SV ngành luật; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về QCN; xây dựng chuyên mục giáo dục QCN trên trang thông tin điện tử của Trường; một số hoạt động ngoại khóa khác phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Tài liệu giáo dục bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo về QCN cho GV và người học cũng là kênh truyền tải hữu ích cho việc truyền thông về QCN cho SV.

Nguồn nhận (Đối tượng truyền thông): Là SV thuộc các ngành đào tạo trình độ đại học trong cơ sở giáo dục đại học với những đặc điểm cơ bản về tâm sinh lý của lứa tuổi 18 – 26.

Phản hồi: trong quá trình truyền thông về QCN cho SV, những ý kiến đánh giá, bình luận hoặc nhu cầu đòi hỏi chủ thể truyền thông phải có những cải tiến, bổ sung, hoàn thiện của SV sẽ diễn ra thường xuyên, liên tục.

Hiệu quả: sự chuyển dịch trong nhận thức, thái độ, suy nghĩ và hành vi của SV về QCN được thể hiện qua các yếu tố cấu thành ý thức, nhận thức của SV: nhận thức, niềm tin, thái độ, tình cảm, ý chí, bản lĩnh tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN và thể hiện qua kỹ năng, hành vi của SV.

Nhiều: Trong quá trình truyền thông về QCN cho SV cần phải tính đến các yếu tố xã hội và kỹ thuật ảnh hưởng đến quá trình truyền thông mà chủ thể truyền thông cần lường trước hoặc dự báo được.

Xét ở một góc độ nào đó có thể hiểu những yếu tố xã hội tạo độ nhiều là những ảnh hưởng đến truyền thông về QCN. Ví như, sự ảnh hưởng của nền văn hóa lúa nước trong lối sống người Việt là lối sống cộng đồng, đề cao và dựa vào sự trợ giúp của cộng đồng, làm cho “cái tôi” trở nên mờ nhạt hơn cái “chúng tôi”, “chúng ta”; ý thức về cá nhân về quyền của con người mờ nhạt, thụ động so với quyền của cộng đồng. Những

ảnh hưởng này có tác động không nhỏ đến môi trường giáo dục tại các cơ sở giáo dục đại học và đến SV. Từ đó, đòi hỏi chủ thể truyền thông cần tính tới các yếu tố tâm lý, văn hóa truyền thống để có những giải pháp truyền thông phù hợp cho SV.

Một yếu tố xã hội nữa có thể tạo nên độ nhiễu trong quá trình truyền thông về QCN cho SV là những thông tin xấu, độc từ những lực lượng chống đối chế độ XHCN, âm mưu phá hoại sự nghiệp phát triển của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, yếu tố này cũng mang cả yếu tố kỹ thuật khi được chúng lợi dụng mạng xã hội, không gian số để chuyển tải, lan truyền những thông tin xấu, thông tin độc đó. Có một bộ phận xã hội, thiếu sự định hướng, thiếu kỹ năng sử dụng mạng xã hội “tiếp sức” một cách vô thức, giúp lan tỏa thông tin xấu trong dư luận xã hội và truyền thông số sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến SV và quá trình truyền thông về QCN cho SV.

3.2. Một vài nét khái quát về Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và vai trò truyền thông về quyền con người cho sinh viên

3.2.1. Khái quát về Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được thành lập theo Quyết định số 1583/2010/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Trường là cơ sở đào tạo đa ngành với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên môi trường và nhu cầu xã hội ở trình độ thạc sỹ, đại học; từ trung ương, địa phương, các doanh nghiệp đến cộng đồng.

Hiện nay, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có 12 Khoa, 02 Bộ môn, 08 Phòng chức năng, 3 Trung tâm, 01 viện và Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa với quy mô hơn 15.000 SV, học viên ở các trình độ khác nhau. Đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động của Trường ngày càng được nâng cao về trình độ và chuyên môn nghiệp vụ. Tính đến ngày 15/12/2023, tổng số viên chức và người lao động là 756 người, trong đó có 01 Giáo sư; 13 Phó giáo sư; 109 tiến sĩ; 470 Thạc sĩ, 24 người đang đi nghiên cứu sinh.

Theo Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thuộc Chính phủ có vị trí, chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Theo Nghị quyết số 18/NĐ-HĐTĐHHN của Hội đồng Trường Tài nguyên và Môi trường ngày 26 tháng 04 năm 2024 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có chức năng đào tạo trình độ đại học, sau đại học, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ về các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các ngành, lĩnh vực khác theo quy định pháp luật.

Với vị trí, vai trò của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực về các lĩnh vực trọng yếu của quốc gia và liên quan trực tiếp tới đời sống dân sinh như: Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường biển hải đảo, viễn thám... thì công tác truyền thông về QCN đặc biệt quan trọng.

3.2.2. Vai trò truyền thông về quyền con người cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Truyền thông nâng cao nhận thức của sinh viên về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người

Nhận thức đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động thực tiễn của mỗi con người. Nhận thức đúng đắn, khách quan, sâu sắc về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN sẽ giúp SV hình thành thái độ, tình cảm, niềm tin, hành vi đúng đắn trong thực tiễn cuộc sống rất muôn hình muôn vẻ. Ngược lại, nhận thức sai lệch, chủ quan, nông cạn sẽ dẫn đến mất phương hướng, lúng túng, hành vi lệch lạc; vi phạm một cách vô ý hoặc cố ý đến QCN trước những tình huống trong thực tiễn.

Trong bối cảnh hiện nay, còn có những nhận thức khác nhau về QCN, nhất là sự cổ súy cho lối sống thực dụng, dân chủ, nhân quyền theo kiểu phương Tây và những

thông tin sai sự thật về QCN đang tác động mạnh vào Việt Nam (nhất là trong giới trẻ), việc tuyên truyền, giáo dục QCN theo quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho SV là hết sức cần thiết nhằm góp phần giúp SV nâng cao kiến thức, kỹ năng giải quyết những vấn đề QCN phức tạp đang nảy sinh trong xã hội.

Đấu tranh chống lại những âm mưu, hoạt động lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để chống, phá chế độ chính trị, xã hội ở Việt Nam cho SV trong các trường đại học trong đó có trường Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội là hết sức cần thiết. Đây là cuộc đấu tranh thường xuyên và kiên quyết chống lại những quan điểm và hoạt động nhân danh dân chủ, nhân quyền nhằm mục đích chính trị. Trên cơ sở nhận thức được quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN, SV sẽ xác định được trách nhiệm tham gia đấu tranh chống những âm mưu, hoạt động lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền của các thế lực thù địch gây mất ổn định xã hội tại Việt Nam.

Việc nâng cao nhận thức của SV về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN sẽ giúp SV có quan điểm đúng đắn về QCN; nhận diện những hoạt động lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền xuất hiện trong trường học; hiểu được tác động của các quan điểm và hoạt động sai trái nhân danh “dân chủ”, “nhân quyền” đối với SV các trường đại học và biện pháp phòng, chống.

- Truyền thông góp phần nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên về quyền con người

Xét theo cấu trúc của ý thức bao gồm các yếu tố: Tri thức; niềm tin, tình cảm, thái độ; ý chí/bản lĩnh thì nâng cao ý thức pháp luật về QCN của SV là truyền thông nhà trường sẽ cung cấp tri thức về QCN và những vấn đề liên quan QCN cho SV. Thông qua đó SV sẽ có nền tảng kiến thức về pháp luật quốc tế và pháp luật VN về QCN; thấu hiểu nguyên tắc quyền luôn gắn với nghĩa vụ; bảo vệ, bảo đảm QCN của cá nhân đồng thời bảo đảm QCN của người khác. Điều này rất quan trọng vì trong thực tế, nhiều trường hợp vi phạm QCN là do thiếu hiểu biết về QCN; thiếu hiểu biết về các quy định pháp luật về bảo vệ, bảo đảm QCN.

Truyền thông không chỉ dừng ở việc cung cấp thông tin, kiến thức về QCN để SV có tri thức về QCN và các vấn đề liên quan QCN mà còn giáo dục SV chuyên hóa được, vận dụng được những tri thức đó thành niềm tin, tình cảm, thái độ. Đó là sự tin tưởng vào quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN; thái độ

ủng hộ, đồng thuận hay phản đối, lên án trước những hành động đúng hay không đúng quy định của pháp luật về QCN.

Trên cơ sở tri thức, thái độ, tình cảm, niềm tin vào chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN; SV sẽ rèn luyện ý chí, bản lĩnh bảo vệ QCN, thực hiện pháp luật về QCN trong nhà trường, cộng đồng xã hội nơi SV học tập, sinh sống và trong nghề nghiệp tương lai. Điều này rất quan trọng vì sau khi ra trường, chắc chắn một bộ phận SV sẽ tham gia các cơ quan, tổ chức ở các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Trong khi thực hiện nhiệm vụ công vụ, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ấy sẽ có ý thức tôn trọng, bảo vệ QCN của công dân trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đặc biệt là liên quan lĩnh vực đất đai, môi trường sống, sản xuất, kinh doanh của con người. Trên cơ sở nâng cao ý thức pháp luật về QCN, sẽ tăng năng lực phòng, chống âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam thông qua chiêu bài dân chủ, nhân quyền, dân quyền.

- Truyền thông góp phần thúc đẩy sinh viên rèn luyện kỹ năng, hình thành thói quen tôn trọng quyền con người và chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ, bảo đảm quyền con người

Kỹ năng là năng lực vận dụng tri thức, kiến thức vào giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Trong cuộc sống, học tập của SV sẽ luôn xuất hiện các vấn đề nảy sinh liên quan QCN. Truyền thông về QCN cho SV sẽ cung cấp kiến thức về QCN đồng thời chuyển tải những thông tin, sự kiện, dữ kiện thực tế diễn ra trong đời sống xã hội; tư vấn, định hướng SV những cách giải quyết phù hợp quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để giúp SV giải quyết các tình huống tương tự hoặc dự báo tình huống có thể xảy ra và cách giải quyết.

Truyền thông không chỉ tuyên truyền, giải thích, cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức, hiểu biết của SV về QCN và bảo vệ QCN mà còn giáo dục SV, giúp SV rèn luyện kỹ năng, hình thành thói quen thực hiện theo quy định của pháp luật về QCN. Chỉ khi hình thành thói quen, kỹ năng thực hiện theo quy định của pháp luật về QCN ở SV thì truyền thông mới thật sự đạt được hiệu quả.

CHƯƠNG 4.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

4.1. Thực trạng truyền thông về quyền con người cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

4.1.1. Kết quả

Thực tế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chưa triển khai thực hiện được Quyết định số 1309 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung QCN vào chương trình của hệ thống giáo dục quốc dân trong đó có cơ sở giáo dục đại học nhưng Nhà trường luôn quan tâm tới công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật và QCN cho SV theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hàng năm, bên cạnh những kết quả đạt được về công tác truyền thông trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quản lý SV thì công tác truyền thông (tuyên truyền, phổ biến, giáo dục) về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ VCQL, GV, CV và SV cũng đạt được kết quả đáng khích lệ. Theo Báo cáo tổng kết công tác hằng năm của Đảng ủy Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Đảng bộ Trường đã thường xuyên tổ chức cho các đảng viên học tập, nghiên cứu, quán triệt kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và các cấp ủy đảng cấp trên; trọng tâm là thông tin, tuyên truyền kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc (Đại hội XIII); nghị quyết Đại hội đảng bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường; nghị quyết các Hội nghị Trung ương Đảng. Các cấp ủy, chi bộ tổ chức nhiều nội dung chuyên đề gắn với các nhiệm vụ chính trị của Trường và đưa vào sinh hoạt thường kỳ; nghiêm túc triển khai chuyên đề học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu đơn vị, cán bộ chủ chốt các cấp. Bên cạnh đó việc nắm bắt và định hướng kịp thời tình hình tư tưởng, dư luận, công tác thông tin cho cán bộ đảng viên, viên chức, người lao động và học viên, SV trong trường được Đảng bộ quan tâm và giải quyết kịp thời, không có vụ việc vi phạm nghiêm trọng, điểm nóng về tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật; không có vụ việc vi phạm pháp luật về QCN.

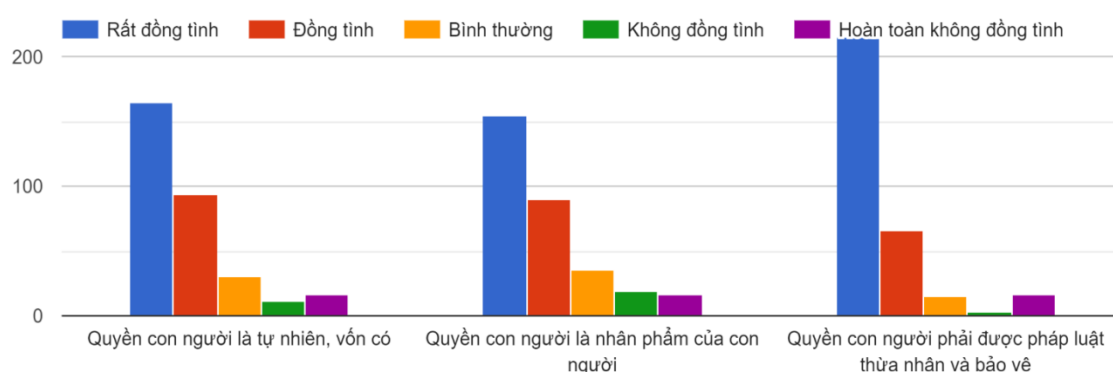
Các phòng chức năng, các khoa cùng đội ngũ viên chức quản lý, giảng viên,

chuyên viên (VCQL, GV, CV) trong Nhà trường đã quan tâm đảm bảo quyền lợi cho SV như: Ban hành cụ thể các quy định liên quan đến người học; phổ biến các quyền lợi của SV ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho đến cuối khóa cho SV; đảm bảo quyền lợi cho SV trong quá trình học tập tại trường. Thực hiện nhiều hoạt động trao đổi hai chiều thông qua đối thoại, lấy ý kiến giữa lãnh đạo trường, lãnh đạo đơn vị với SV; tiếp thu phản hồi các ý kiến của SV về sắp xếp thời khóa biểu, học phí, cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ dạy và học; phúc khảo điểm thi... cũng như các hoạt động khác của Nhà trường. Tạo điều kiện để SV tham gia góp ý kiến trong kiểm định chất lượng; đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho SV trong thực hiện các chính sách về học phí, học bổng, khám và chăm sóc sức khỏe...

Kết quả công tác truyền thông (tuyên truyền, phổ biến, giáo dục) về QCN cho SV đã được thể hiện qua nhận thức, niềm tin, thái độ, tình cảm, ý chí, bản lĩnh tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN của SV đạt được ở một mức độ nhất định thể hiện qua kết quả khảo sát bằng phương pháp điều tra xã hội học như sau:

Khi hỏi SV về hiểu biết, kiến thức về QCN (*khái niệm QCN*): “Quyền con người là tự nhiên, vốn có. Quyền con người là nhân phẩm của con người. Quyền con người phải được pháp luật thừa nhận và bảo vệ”, phần lớn SV đều cho rằng: “Rất đồng tình và “Đồng tình” thể hiện hiểu biết cơ bản của SV về QCN. Xem Biểu đồ 4.1.

Biểu đồ 4.1. Hiểu biết của SV về khái niệm QCN

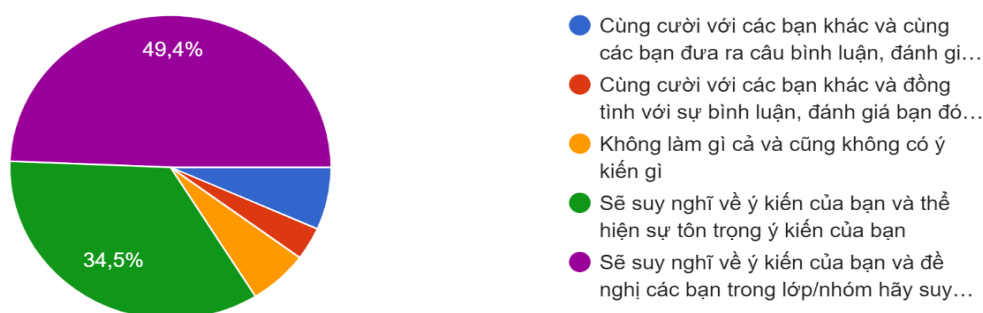


Đánh giá thái độ, kỹ năng ứng xử của SV thể hiện sự tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN qua các tình huống giả định:

Tình huống giả định 1: “Nếu trong quá trình học tập trên lớp hoặc họp lớp, họp nhóm mà có một bạn nêu ra ý kiến rất khác với mọi người thì bạn nghĩ gì và có thái độ

như thế nào?”. Đa số SV được hỏi lựa chọn phương án “Sẽ suy nghĩ về ý kiến của bạn và thể hiện sự tôn trọng ý kiến của bạn” (34,5%) và “Sẽ suy nghĩ về ý kiến của bạn và đề nghị các bạn trong lớp/nhóm hãy suy nghĩ để tìm ra điểm hợp lý trong ý kiến của bạn” (49,4%). Tổng cộng, có tới 83,9% SV chọn 2 phương án trên và với kết quả này phản ánh sự hiểu biết nhất định của SV về QCN, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với nguyên tắc cơ bản hay giá trị cốt lõi của QCN (bình đẳng, không phân biệt đối xử, nhân phẩm và giá trị cốt lõi của QCN). Trong đó có sự tôn trọng nhân phẩm là giá trị vốn có của người khác đặt ra nhu cầu công nhận quan điểm, ước muốn, phẩm chất và sự khác biệt của người khác [7, tr.6]. Xem Biểu đồ 4.2.

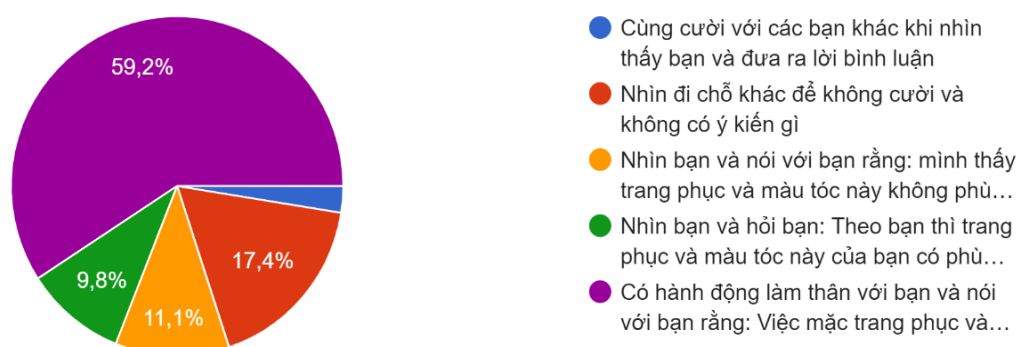
Biểu đồ 4.2. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 1



Thái độ và cách ứng xử phù hợp với nguyên tắc tôn trọng nhân phẩm (công nhận quan điểm, ước muốn, phẩm chất và sự khác biệt) của người khác cũng thể hiện qua kết quả khảo sát SV ở tình huống giả định 2: “Khi nhìn thấy một bạn trong lớp mặc trang phục và nhuộm tóc rất rục rỡ, khác người thì bạn sẽ làm gì?”; có 59,2% SV được hỏi và đây cũng là tỷ lệ lớn nhất chọn phương án “Có hành động làm thân với bạn và nói với bạn rằng: Việc mặc trang phục và nhuộm màu tóc gì thì cũng là quyền của bạn, nhưng bạn có thể cân nhắc về việc có phù hợp với môi trường trường học không bạn nhé”. Kết quả này cho thấy SV hiểu được quyền và nghĩa vụ luôn song hành với nhau; QCN luôn được đặt trong mối quan hệ cá nhân với tập thể, cộng đồng và xã hội; QCN phải được pháp luật thừa nhận, bảo vệ và phải được đặt trong khuôn khổ của pháp luật thể hiện sự tôn trọng lợi ích cá nhân đồng thời tôn trọng lợi ích của tập thể, xã hội. Qua đó, cũng cho thấy SV mong muốn lựa chọn cách giúp đỡ bạn một cách tế nhị và mang tinh thần xây dựng, không xâm phạm thô bạo QCN của người khác. Điều này cũng phản ánh ở phương án được 17,4% số SV được hỏi lựa chọn, là một con số cao nhất

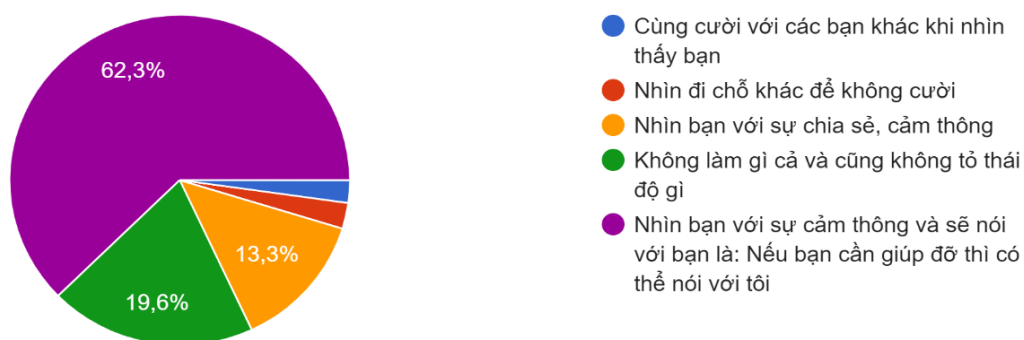
trong những phương án còn lại sau phương án được 59,2% SV lựa chọn đã chọn phương án “Nhìn đi chỗ khác để không cười và không có ý kiến gì”. Tuy nhiên, đây là một phương án tôn trọng, bảo đảm QCN nhưng chưa mang tính xây dựng một môi trường sư phạm, môi trường văn hóa của một cơ sở giáo dục đại học và SV cần giúp đỡ nhau trong quá trình học tập, rèn luyện. Xem Biểu đồ 4.3.

Biểu đồ 4.3. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 2



Tình huống giả định 3: “Khi nhìn thấy một bạn bị khuyết tật ở chân, có dáng đi rất dễ gây cười đi ở trong khuôn viên trường, bạn sẽ làm gì?”. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV được hỏi thể hiện sự hiểu biết, tôn trọng, chia sẻ, thông cảm với bạn SV bị khuyết tật. Đây cũng là một nội dung rất cơ bản trong tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN đối với bộ phận những người yếu thế trong xã hội, trong đó có người khuyết tật, “họ có nguy cơ cao hơn bị bỏ quên hay bị vi phạm các QCN, bởi vậy, họ cần được chú ý bảo vệ đặc biệt so với những nhóm, cộng đồng người khác” [Dẫn theo 7, tr. 10]. Qua khảo sát, có tới 62,3% SV được hỏi lựa chọn phương án “Nhìn bạn với sự cảm thông và sẽ nói với bạn là: Nếu bạn cần giúp đỡ thì có thể nói với tôi” thể hiện sự tôn trọng QCN và phát huy giá trị nhân văn của dân tộc, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác. Vương tự kết quả khảo sát ở tình huống 2, có 19,6% (tỷ lệ cao nhất trong các phương án còn lại sau phương án được 62,3% SV lựa chọn) chọn phương án “Không làm gì cả và cũng không tỏ thái độ gì” thể hiện sự dè dặt và chưa có kỹ năng mềm trong xử lý tình huống. Xem Biểu đồ 4.4.

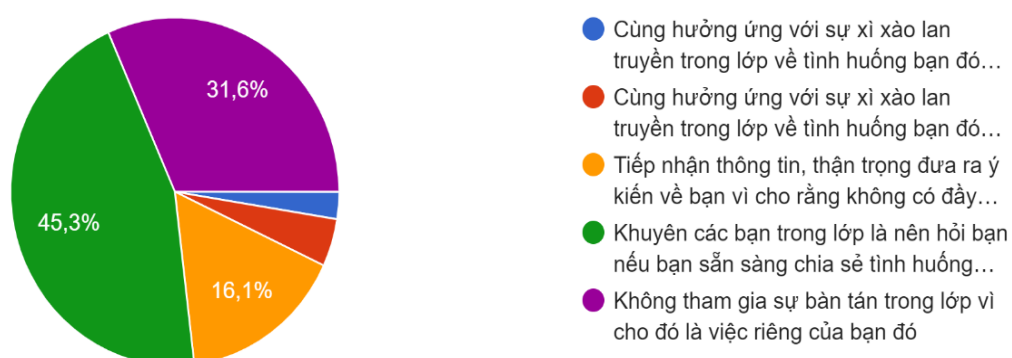
Biểu đồ 4.4. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 3



Trong cuộc sống SV không tránh khỏi đứng trước những tình huống đòi hỏi SV phải có kiến thức, kỹ năng xử lý phù hợp. Đặc biệt trong xã hội hiện đại, thông tin về cá nhân trong xã hội và mạng xã hội được chia sẻ thuận lợi và rộng rãi. Làm thế nào để SV có cách ứng xử phù hợp giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức xã hội và quy định của pháp luật trong xử lý các tình huống diễn ra trong cuộc sống của SV luôn là câu hỏi đòi hỏi các chủ thể giáo dục/chủ thể truyền thông quan tâm. Tác giả đưa ra hai tình huống giả định liên quan đến quyền được riêng tư trong nhóm quyền dân sự của QCN.

Tình huống 4: “Trong lớp có một bạn gặp một tình huống đặc biệt (bố mẹ vừa ly hôn/ doanh nghiệp gia đình bạn bị phá sản/ bạn mang thai ngoài ý muốn khi chưa kết hôn...). Bạn sẽ làm gì?” và tình huống 5: “Bạn có quan điểm thế nào về việc bình luận trên mạng xã hội (zalo, Facebook ...của lớp/trường bạn) về cuộc sống cá nhân hoặc quan điểm cá nhân của một bạn hoặc nhóm bạn khác trong lớp/trường của bạn?”. Kết quả khảo sát thể hiện ở Biểu đồ 4.5. và 4.6.

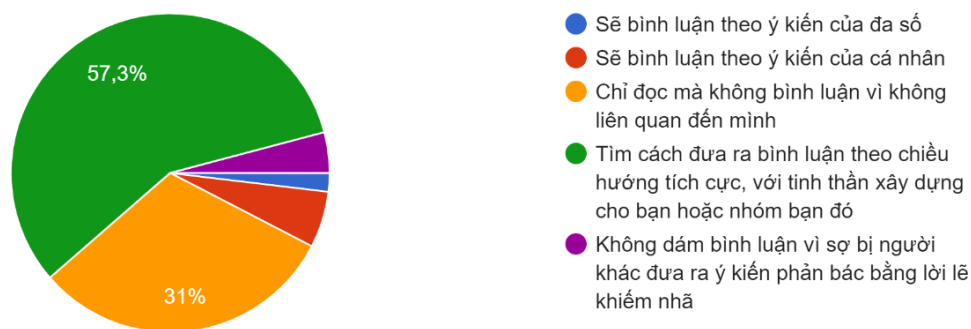
Biểu đồ 4.5. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 4



Theo kết quả khảo sát tình huống 4 cho thấy có SV lựa chọn khá tập trung vào 3 phương án. Phương án cao nhất là 45,3% SV lựa chọn “Khuyến các bạn trong lớp là nên hỏi bạn nếu bạn sẵn sàng chia sẻ tình huống bạn đó đang gặp phải và sẽ giúp đỡ bạn nếu bạn đó có mong muốn, nhu cầu” thể hiện sự tôn trọng quyền riêng tư của bạn và bày tỏ thiện chí giúp đỡ nếu bạn có nhu cầu thể hiện tinh thần nhân văn trong cộng đồng SV. Đây là một cách ứng xử tạo nên dư luận xã hội tích cực. Điều này rất quan trọng trong xã hội hiện nay, khi dư luận xã hội nhiều khi bị thao túng bởi số đông và nếu số đông không lựa chọn cách ứng xử tích cực mà lại là tiêu cực thì hệ lụy rất khó lường. Trong thực tế, đã có những trường hợp người bị dư luận xã hội biến thành người bị hại và tổn thất nặng nề về tinh thần, không vượt qua được dư luận xã hội đã phải lựa chọn đến cái chết. Qua những trường hợp đó cũng phản ánh việc xâm phạm QCN một cách nghiêm trọng do những người tham gia vào dư luận xã hội mà không có nhận thức đầy đủ về QCN và vô thức xâm phạm QCN của người khác một cách nặng nề. Trong nhà trường, việc truyền thông về QCN để tạo dư luận tích cực, thể hiện sự tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN để SV nhận thức được và có thái độ, cách ứng xử nhân văn, tích cực là hết sức cần thiết và kết quả khảo sát trên là một điểm sáng cần được phát huy trong quá trình truyền thông về QCN cho SV. Xem Biểu đồ 4.5.

Kết quả khảo sát thể hiện ở Biểu đồ 4.5. về tình huống giả định số 4 cũng được thể hiện ở tình huống giả định số 5 thể hiện ở Biểu đồ 4.6 và kết quả này cần được phát huy trong công tác truyền thông về QCN cho SV. Theo Biểu đồ 4.6. có hai phương án được lựa chọn nhiều nhất, trong đó, lựa chọn cao nhất là phương án “Tìm cách đưa ra bình luận theo chiều hướng tích cực, với tinh thần xây dựng cho bạn hoặc nhóm bạn đó” với 57,3%. Xem Biểu đồ 4.6.

Biểu đồ 4.6. Kết quả khảo sát SV về tình huống giả định 5



Trong cuộc sống, học tập của SV không tránh khỏi một số hiện tượng như mất cắp đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân. Cách ứng xử của SV như thế nào để không làm tổn thương, xâm phạm QCN của người khác? Tác giả đưa ra tình huống giả định 6:

Tình huống: “Trong một buổi học, sau khi bạn A ra ngoài vào giờ nghỉ giải lao về thì phát hiện bị mất đồ cá nhân. Qua quan sát, nhiều bạn trong lớp cho rằng bạn B là người lấy cắp đồ của bạn A vì bạn có những hành động khả nghi trong và sau giờ giải lao. Bạn sẽ làm gì?” và đưa ra hai lựa chọn.

Kết quả khảo sát cho thấy 94% SV được hỏi đã lựa chọn phương án “Không tán thành với ý kiến khám đồ cá nhân của bạn B và đề nghị thực hiện thận trọng theo từng bước: bạn A tìm lại đồ, tiếp đến là hỏi các bạn trong lớp có thấy đồ của bạn làm rơi ở đâu không, cuối cùng là đưa ra một cách giải quyết nào đó mà không làm tổn thương người khác kể cả người đó bị nghi oan hoặc không oan” và chỉ có 6% SV chọn “Tán thành với ý kiến của nhiều bạn trong lớp là khám đồ cá nhân của bạn B ngay lập tức tại lớp”. Với kết quả khảo sát này cho thấy SV có nhận thức và thái độ thận trọng trước những vấn đề liên quan quyền riêng tư, nhằm bảo đảm sự tôn trọng và bảo vệ QCN của người khác.

4.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được của công tác truyền thông về QCN cho SV trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thì cũng còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Thông qua phương pháp quan sát, điều tra xã hội học cho thấy một số hạn chế về nhận thức, kỹ năng, thái độ về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN của SV. Đó cũng chính là hạn chế của công tác truyền thông về QCN cho SV cần được khắc phục trong thời gian tới.

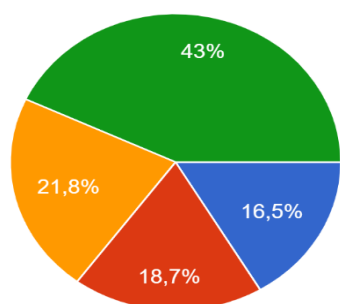
Kết quả khảo sát ý kiến SV về các tình huống 3, 4, 5 cho thấy, bên cạnh có khoảng

$\geq 50 - \leq 60\%$ lựa chọn phương án thể hiện sự tôn trọng QCN của người khác thì còn có một tỷ lệ SV lựa chọn phương án “an toàn” là lảng tránh, coi như không nhìn thấy, không biết, không có ý kiến gì vì cho đó là quyền của bạn, là quyền riêng tư và cũng có bộ phận có thái độ, cách ứng xử thiếu tôn trọng bạn. Xem các Biểu đồ 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy việc trả lời, lựa chọn các phương án trong các câu hỏi đặt ra cho SV với tư cách cá nhân (Bạn nghĩ gì, có thái độ như thế nào trước tình huống đưa ra) ở các câu hỏi số 4, 6, 7, 9, 10 (Xem Phụ lục 1. Phiếu thu thập thông tin (Dành cho SV) rất khác với cách hỏi về xu hướng, mọi người (các bạn SV trong trường) sẽ ứng xử như thế nào. Vẫn những tình huống giả định được đưa ra cho SV trả lời với tư cách cá nhân (bản thân) nhưng khi được hỏi với tư cách mang tính cộng đồng, xã hội (theo bạn, đánh giá của SV trong trường; suy nghĩ, cách ứng xử của cộng đồng SV trong trường sẽ như thế nào trước những tình huống giả định được đưa ra ở trên) thì SV đưa ra những lựa chọn khác nhau, phân tán cho tất cả các biểu hiện thể hiện sự tôn trọng và thiếu tôn trọng QCN của người khác. Qua quan sát, tác giả cho rằng, kết quả khảo sát này phản ánh khá đúng với thực tế trong cuộc sống của SV và xã hội.

Với tình huống giả định 1, khi hỏi SV về xu hướng mọi người sẽ có thái độ và cách ứng xử như thế nào khi trong quá trình học tập trên lớp hoặc họp lớp, họp nhóm có một bạn nêu ra ý kiến rất khác với mọi người. Kết quả khảo sát là 43% cho rằng sẽ có “Một số người đề nghị các bạn trong lớp/nhóm hãy suy nghĩ để tìm ra điểm hợp lý trong ý kiến của bạn” nhưng còn lại 3 phương án có tỷ lệ chọn có khoảng cách chênh lệch không quá xa (từ 16,5% đến 21,8%). Xem Biểu đồ 4.7: phương án “Nhiều người cùng cười và đưa ra câu bình luận, đánh giá bạn đó là lập dị, muốn thể hiện bản thân, muốn khác người” (16,5%), “Một số người sẽ không làm gì cả và cũng không có ý kiến gì” (18,7%) và “Một số người thể hiện sự tôn trọng ý kiến của bạn” (21,8%).

Biểu đồ 4.7. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về xu hướng cộng đồng SV ứng xử trước tình huống giả định số 1



- Nhiều người cùng cười và đưa ra câu bình luận, đánh giá bạn đó là lập dị, muốn thể hiện bản thân, muốn khác n...
- Một số người sẽ không làm gì cả và cũng không có ý kiến gì
- Một số người thể hiện sự tôn trọng ý kiến của bạn
- Một số người đề nghị các bạn trong lớp/nhóm hãy suy nghĩ để tìm ra điểm hợp lý trong ý kiến của bạn

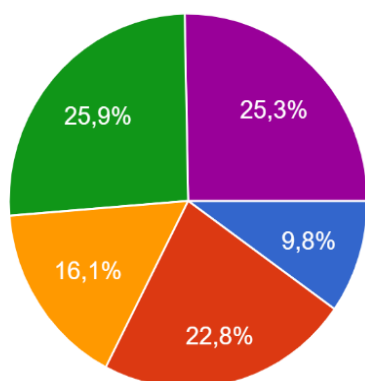
Tương tự với các tình huống giả định số 4, số 5:

Tình huống số 4: “Trong lớp có một bạn gặp một tình huống đặc biệt (bố mẹ vừa ly hôn/ doanh nghiệp gia đình bạn bị phá sản/ bạn mang thai ngoài ý muốn khi chưa kết hôn...). Thông thường bạn thấy sẽ xảy ra trường hợp nào?”

Tình huống số 5 về việc bình luận trên mạng xã hội (zalo, Facebook ...của lớp/trường bạn) về cuộc sống cá nhân hoặc quan điểm cá nhân của một bạn hoặc nhóm bạn khác trong lớp/trường. Bạn thấy thường có xu hướng nào?

Kết quả khảo sát được thể hiện ở Biểu đồ 4.8. và 4.9.

Biểu đồ 4.8. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về xu hướng cộng đồng SV ứng xử trước tình huống giả định số 4

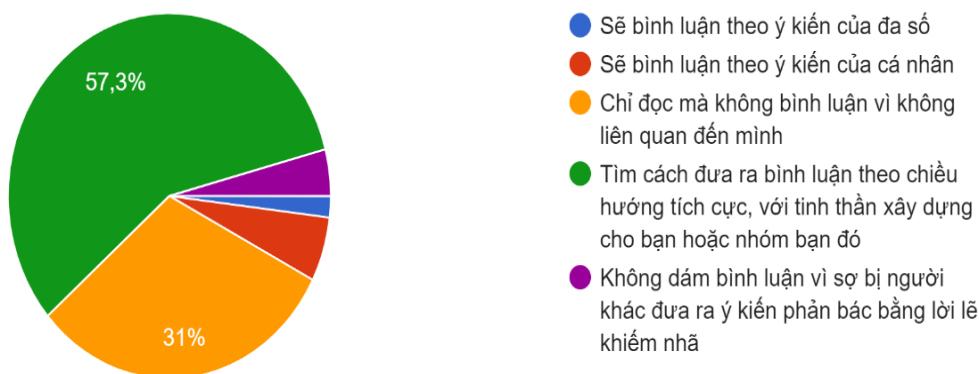


- Nhiều người cùng hưởng ứng với sự xì xào lan truyền trong lớp về tình huống...
- Nhiều người cùng hưởng ứng với sự xì xào lan truyền trong lớp về tình huống...
- Tiếp nhận thông tin, thận trọng đưa ra ý kiến về bạn vì cho rằng không có đây...
- Khuyến các bạn trong lớp là nên hỏi bạn nếu bạn sẵn sàng chia sẻ tình huống...
- Không tham gia sự bàn tán trong lớp vì cho đó là việc riêng của bạn

Theo kết quả khảo sát thể hiện ở Biểu đồ 4.8. cho thấy tất cả các phương án thể hiện sự tôn trọng và không tôn trọng QCN của người khác ở các mức độ khác nhau đã được SV lựa chọn với tỷ lệ không chênh lệch lớn lắm. Mặc dù phương án “Nhiều người cùng hưởng ứng với sự xì xào lan truyền trong lớp về tình huống bạn đó đang gặp phải” là trường hợp không phù hợp nhất khi tiếp cận ở góc độ QCN cũng như về mặt

nhân văn, đạo đức, có tỷ lệ chọn thấp nhất (9,8%) nhưng các phương án còn lại có tỷ lệ chọn không tập trung vào phương án tích cực nhất.

Biểu đồ 4.9. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về xu hướng cộng đồng SV ứng xử trước tình huống giả định số 5

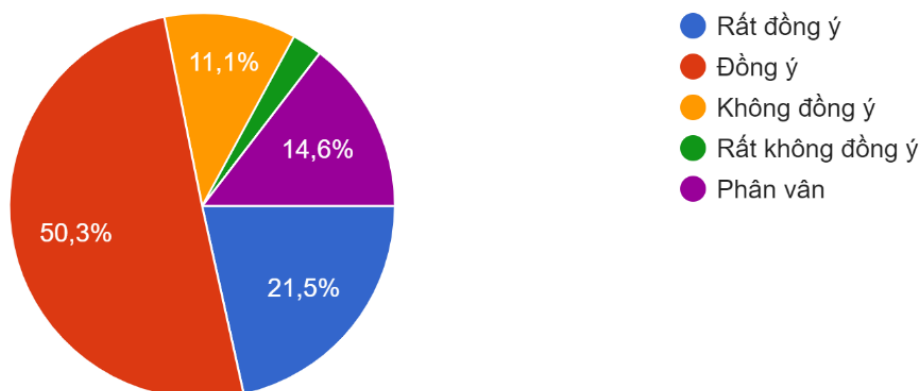


Theo kết quả khảo sát thể hiện ở Biểu đồ 4.9. cho thấy thời gian qua, vấn đề văn hóa sử dụng mạng xã hội đã được đề cập tới nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng và trong các trường học đã ảnh hưởng tích cực tới SV thể hiện qua tỷ lệ 57,3% SV chọn “Tìm cách đưa ra bình luận theo chiều hướng tích cực, với tinh thần xây dựng cho bạn hoặc nhóm bạn đó”, nhưng một tỷ lệ khá lớn (31%) SV chọn “Chỉ đọc mà không bình luận vì không liên quan đến mình” là phương án gọi là “an toàn”, song nếu ủng hộ theo cách ứng xử này thì việc xây dựng một nền văn hóa mạng xã hội lành mạnh, tích cực trong đó có tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN cũng không thật sự vững chắc do SV thiếu nền tảng kiến thức để có thể xác lập cho mình một thái độ đúng đắn, bản lĩnh vững vàng và nhất là có kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội. Lãng tránh không phải là phương án tối ưu trong công tác giáo dục trong đó có công tác truyền thông.

Hạn chế về hiệu quả truyền thông về QCN cho SV thể hiện qua: Nhận thức, thái độ, kỹ năng thể hiện qua các kết quả trên đây cũng đã được SV đánh giá khi được hỏi: “Bạn có đồng ý với ý kiến: Hiện nay, sinh viên chưa thật sự có kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền con người trong môi trường học tập và cuộc sống cá nhân”. Kết quả khảo sát thể hiện trong Biểu đồ 4.10.

Biểu đồ 4.10. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn

đề liên quan QCN



Kết quả khảo sát thể hiện ở Biểu đồ 4.10. cho thấy tỷ lệ khá tập trung ở “Đồng ý” (50,3%) và “Rất đồng ý” (21,5%). Điều đó cho thấy, phần lớn SV đồng tình với đánh giá: SV chưa thật sự có kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến QCN trong môi trường học tập và cuộc sống cá nhân.

Đánh giá này cũng phù hợp với đánh giá của VCQL, GV, CV khi được hỏi về “mức độ hiệu quả của công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục của Nhà trường hiện nay” qua nhận thức, kỹ năng, thái độ tôn trọng, bảo vệ QCN của SV như sau:

Hiểu biết, nhận diện được các vấn đề cơ bản về QCN (khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc, những quyền cơ bản của quyền con người);

Hiểu biết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN;

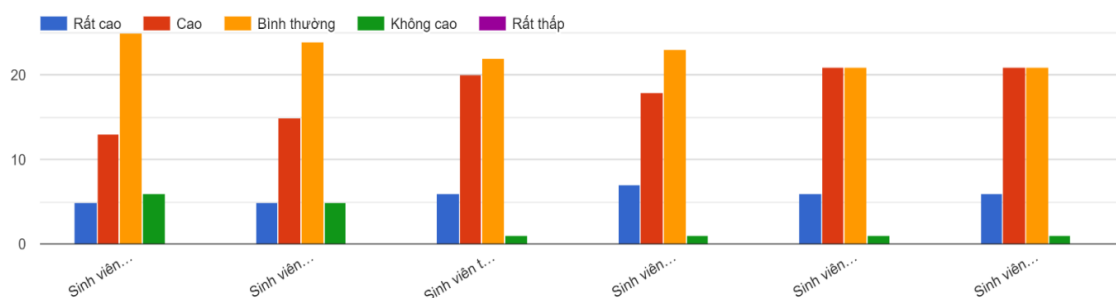
Tin tưởng, ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN;

Có ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác;

Có lập trường, bản lĩnh chống lại những luận điệu xuyên tạc, bóp méo thành tựu bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam;

Có ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam.

Biểu đồ 4.11. Kết quả khảo sát đánh giá của VCQL, GV, CV về hiệu quả của công tác truyền thông về QCN cho SV



Kết quả khảo sát thể hiện qua Biểu đồ 4.11. cho thấy, với tất cả các phương án đo lường mức độ hiệu quả về nhận thức, thái độ, kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan QCN của SV đều được đánh giá chủ yếu ở mức độ “Bình thường” bên cạnh một số phương án cũng được đánh giá ở mức “Cao”.

Như vậy, nhìn chung, hiệu quả truyền thông về QCN cho SV vẫn chưa cao đòi hỏi các chủ thể truyền thông chỉ ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục để nâng cao nhận thức, kỹ năng, thái độ của SV về QCN trong cuộc sống và học tập.

4.1.3. Nguyên nhân kết quả và hạn chế

4.1.3.1. Nguyên nhân kết quả

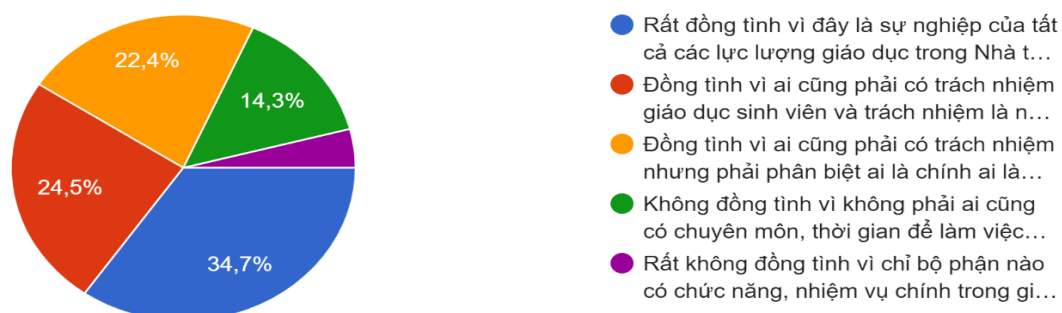
Đảng ủy, Ban lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm tới công tác tư tưởng chính trị của VCQL, GV, CV và SV thông qua hệ thống văn bản chỉ đạo; tổ chức sinh hoạt chuyên đề trong sinh hoạt chi bộ; chỉ đạo các đơn vị triển khai trong các hoạt động của Nhà trường.

Đội ngũ VCQL, GV, CV nhận thức được tầm quan trọng của công tác truyền thông (tuyên truyền, phổ biến, giáo dục) về QCN và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN cho SV. Kết quả này thể hiện qua các câu trả lời phỏng vấn của VCQL, GV, CV về lý do quan tâm tới vấn đề QCN và truyền thông về QCN cho SV: “QCN rất quan trọng và cần thiết đối với sinh viên – thế hệ trẻ của đất nước”; “Đây là quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc được pháp luật công nhận”; “Vì đảm bảo được quyền lợi, nhu cầu, lợi ích cá nhân trong xã hội”; “Để SV nhận thức rõ các giá trị của bản thân, biết bảo vệ quyền lợi của bản thân”; “Để đảm bảo quyền lợi của bản thân và gia đình”; “Để bảo vệ quyền lợi bản thân và những người xung quanh”.

mình khi cần đến”; “Để cho SV hiểu và nắm rõ trách nhiệm bản thân đối với xã hội cộng đồng, làm thế nào để góp phần làm cho xã hội phát triển tốt đẹp hơn”; “Đây là vấn đề mang tính thời sự mà sinh viên rất quan tâm” “Để SV hiểu rõ chủ trương, chính sách về quyền con người của Đảng và Nhà nước, phản bác những luận điệu sai trái về quyền con người ở nước ta”...(Xem Phụ lục 8. Kết quả xử lý Phiếu phỏng vấn sâu, xin ý kiến chuyên gia (Dành cho VCQL, GV, CV).

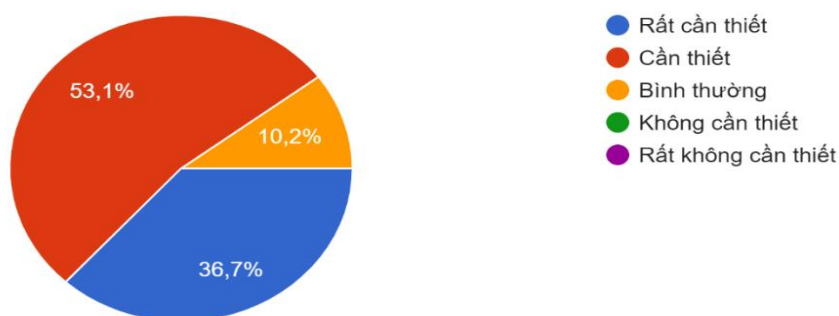
Đội ngũ VCQL, GV, CV cũng xác định được trách nhiệm truyền thông về QCN cho SV là trách nhiệm của tất cả các thầy cô, viên chức của tất cả các bộ môn, các khoa, phòng trong Nhà trường. Qua điều tra xã hội học, tỷ lệ VCQL, GV, CV đồng tình với các phương án cho rằng đây là sự nghiệp của tất cả lực lượng giáo dục trong Nhà trường là rất cao thể hiện qua ba lựa chọn màu xanh dương, màu đỏ và màu vàng trong Biểu đồ 4.12.

Biểu đồ 4.12. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về trách nhiệm truyền thông về QCN cho SV của các lực lượng giáo dục trong Nhà trường



Từ nhận thức trên, đội ngũ VCQL, GV, CV đồng tình về sự cần thiết của việc truyền thông QCN cho SV ở mức độ “Rất cần thiết” (36,7%) và “Cần thiết” (53,1%). Tổng cộng hai phương án này là 89,8%. Xem Biểu đồ 4.13.

Biểu đồ 4.13. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về sự cần thiết của việc truyền thông QCN cho SV



Từ nhận thức về sự cần thiết truyền thông QCN cho SV, trách nhiệm của các lực lượng giáo dục trong nhà trường; đội ngũ VCQL, GV, CV đã có ý thức lồng ghép trong các hoạt động quản lý, giảng dạy, giáo dục SV. Điều này thể hiện trong câu trả lời của SV về các kênh truyền thông giúp SV biết đến QCN thì có 61,7% SV cho rằng, hiểu biết của mình về QCN được thông qua thầy cô giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Và qua phỏng vấn GV cho thấy, một số GV đã lồng ghép vấn đề QCN trong giảng dạy một số nội dung trong học phần Chủ nghĩa xã hội, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam...

Hơn nữa trong học phần Pháp luật đại cương, phần nội dung Luật hiến pháp giảng dạy cho sinh viên toàn trường cũng đã tìm hiểu về quyền con người trong nhóm quyền công dân.

Các hoạt động đoàn thanh niên, hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, kiến tập, thực tế, thực tập nghề nghiệp trong Trường cũng giúp SV tiếp cận thông tin đa dạng, nhiều chiều trong đó có QCN và bảo vệ, bảo đảm QCN.

Trong quá trình phát triển của Nhà trường, thư viện với khối lượng tài liệu, học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, truyền thông ngày càng được củng cố, gia tăng về số lượng, phong phú về đầu sách; cách thức khai thác tài liệu, học liệu kết hợp truyền thống và điện tử giúp SV dễ dàng tiếp cận, khai thác trong quá trình học tập.

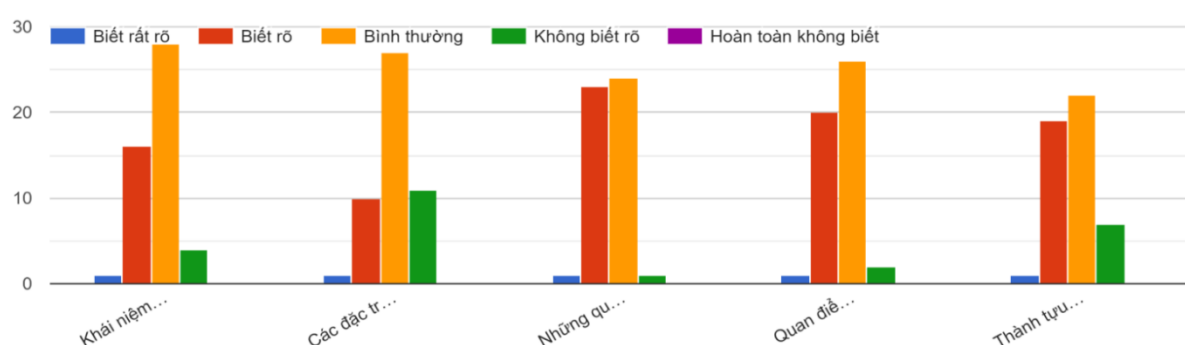
Hệ thống hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, trong đó có hoạt động dạy và học của Nhà trường ngày càng được đầu tư, góp phần phục vụ cho công tác truyền thông về mọi hoạt động đào tạo và công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật cho SV diễn ra thuận lợi và hiệu quả.

4.1.3.2. Nguyên nhân hạn chế

Mặc dù công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật của Nhà trường đã được quan tâm nhưng việc triển khai công tác truyền thông về QCN trong các hoạt động đào tạo của Nhà trường chưa được triển khai một cách có hệ thống dẫn đến việc đầu tư cho các nguồn lực (con người, thiết bị, kinh phí, cơ sở vật chất...) chưa đồng bộ; nội dung truyền thông về QCN cho SV cũng như các phương thức, phương tiện truyền thông và các yếu tố liên quan tới công tác truyền thông về QCN cho SV chưa được xác định rõ ràng, cụ thể.

Khảo sát VCQL, GV, CV về mức độ hiểu biết về QCN, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN, cụ thể: Khái niệm quyền con người; Các đặc trưng của quyền con người: Tính phổ quát, không thể chuyển nhượng, không thể phân chia, các quyền con người phụ thuộc, liên hệ lẫn nhau; Những nguyên tắc cơ bản của quyền con người: Bình đẳng, không phân biệt đối xử, nhân phẩm và sự tôn trọng; Những quyền cơ bản của con người: Quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam; Thành tựu bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy, chủ yếu VCQL, GV, CV tự đánh giá ở mức độ “*Bình thường*” – cột màu vàng ở Biểu đồ 4.14.

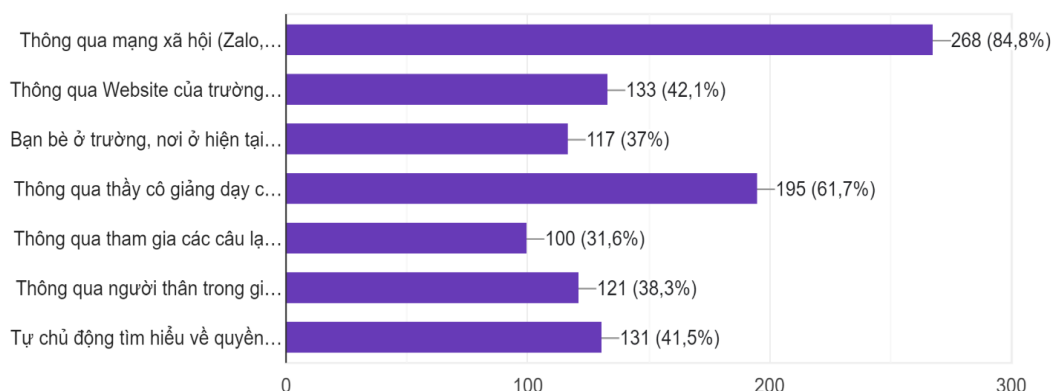
Biểu đồ 4.14. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về mức độ hiểu biết của bản thân về QCN, bảo vệ, bảo đảm QCN



Theo đó, đội ngũ VCQL, GV, CV là chủ thể truyền thông, là “nguồn phát” quan trọng của truyền thông về QCN cho SV mà còn có những hạn chế về mức độ hiểu biết về QCN thì tất yếu sẽ gặp khó khăn trong triển khai nội dung, phương thức truyền thông tới SV. Từ đó, dẫn đến việc lồng ghép công tác truyền thông về QCN cho SV sẽ không được thường xuyên; việc chuyển tải nội dung truyền thông chưa được thực hiện đa dạng

kể cả các hình thức truyền thống và hiện đại. Điều này thể hiện trong kết quả khảo sát SV về các kênh truyền thông giúp SV biết đến QCN chủ yếu từ mạng Internet, mạng xã hội (chiếm tỷ lệ lựa chọn cao nhất – 84,8%). Xem Biểu đồ 4.15.

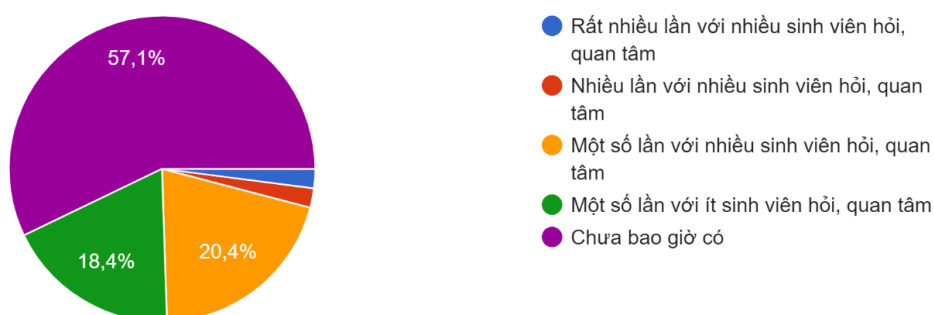
Biểu đồ 4.15. Kết quả khảo sát SV về các kênh truyền thông giúp SV tiếp cận được thông tin về QCN



Về hạ tầng thông tin, cơ sở vật chất, nguồn lực về tài chính cho công tác truyền thông chưa được đầu tư đầy đủ do chưa có một định hướng với kế hoạch chi tiết về truyền thông QCN cho SV.

Bên cạnh đó, SV vừa là đối tượng truyền thông vừa là chủ thể truyền thông nhưng vấn đề QCN chưa thật sự là vấn đề được SV quan tâm và dành thời gian tìm hiểu, nghiên cứu. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về việc “đã bao giờ gặp trường hợp sinh viên hỏi về quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người và xin ý kiến giải thích hoặc lời khuyên của Anh/Chị” thì tỷ lệ chọn “Chưa bao giờ có” cao nhất (57,1%); tiếp theo là 2 phương án: “Một số lần với nhiều sinh viên hỏi, quan tâm” (20,4%); “Một số lần với ít sinh viên hỏi, quan tâm” (18,4%). Xem Biểu đồ 4.16.

Biểu đồ 4.16. Kết quả khảo sát VCQL, GV, CV về mức độ quan tâm của SV về QCN



Ngoài những nguyên nhân trên cũng phải đề cập tới những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến công tác truyền thông về QCN cho SV. Cụ thể là: Chủ thể và đối tượng truyền thông đều không tránh khỏi những lối tư duy, nếp nghĩ của người Việt về trọng tình hơn trọng lý, thậm chí thiếu tin tưởng vào vai trò của pháp luật và tòa án để bảo vệ các QCN của bản thân và người khác. Ý thức cá nhân về QCN thường mờ nhạt hơn so với quyền của cộng đồng do ảnh hưởng của tư tưởng: Phải đặt lợi ích của tập thể, của xã hội lên hàng đầu bằng mọi giá trong thời kỳ chiến tranh kéo dài trong lịch sử. Sự tác động của những thông tin xuyên tạc, bóp méo thành tựu bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam được lan truyền tự phát hoặc do sự cố tình của các thế lực thù địch trong cộng đồng và mạng xã hội. Kỹ năng sử dụng mạng xã hội, văn hóa sử dụng mạng xã hội của một bộ phận SV chưa cao cũng đang “tiếp sức” một cách vô thức dẫn đến làm tổn thương, xâm phạm QCN của người khác trong các mối quan hệ của SV...

4.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

4.2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác truyền thông quyền con người cho sinh viên

Mục tiêu giải pháp: Đội ngũ VCQL, GV, chuyên viên, SV nhận thức được tầm quan trọng của công tác truyền thông về QCN cho SV và xác định được đây là trách nhiệm của tất cả các lực lượng giáo dục/chủ thể truyền thông và đối tượng giáo dục/truyền thông trong nhà trường. Trên cơ sở đó tạo động cơ thúc đẩy VCQL, GV, chuyên viên và SV nghiên cứu, học tập nâng cao hiểu biết về QCN...

Nội dung giải pháp: Để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác truyền thông về QCN cho SV, nhà trường triển khai các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, phổ biến cho đội ngũ VCQL, GV, chuyên viên, SV về QCN và truyền thông QCN.

Cách thức thực hiện

Các đơn vị thuộc trường thực hiện các biện pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác truyền thông về QCN cho SV đối với đội ngũ viên chức, GV của đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Cụ thể như:

Đối với các chi bộ cần đưa nội dung truyền thông về QCN cho SV vào sinh hoạt chuyên đề để nâng cao nhận thức về QCN và sự cần thiết truyền thông về QCN cho SV

của đội ngũ đảng viên trong Đảng Bộ trường Đại học Tài nguyên và Môi trường.

Các phòng chức năng (Phòng Tổ chức, Phòng Công tác SV, Đoàn Thanh niên...) chủ động đề xuất các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về QCN thông qua các buổi tập huấn, bồi dưỡng, các cuộc thi tìm hiểu... về QCN trong VCQL, GV, CV và SV.

Các khoa/bộ môn đưa nội dung truyền thông về QCN cho SV vào sinh hoạt chuyên môn; chỉ đạo đội ngũ cố vấn học tập, cán sự lớp, cán bộ đoàn do khoa quản lý đưa vào các diễn đàn sinh hoạt tư tưởng của SV; lồng ghép vào công tác giảng dạy những học phần, bài học phù hợp.

Đoàn trường, các chi đoàn, liên chi, tập thể lớp SV, các câu lạc bộ SV cần tích cực, chủ động tổ chức các hoạt động phù hợp để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc truyền thông về QCN cho SV.

4.2.2. Nâng cao năng lực truyền thông của các chủ thể truyền thông về quyền con người cho sinh viên

Mục tiêu giải pháp: Bên cạnh việc quan tâm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ VCQL, GV và CV, nhà trường quan tâm công tác bồi dưỡng kiến thức về QCN và truyền thông về QCN để nâng cao năng lực truyền thông về QCN cho SV của đội ngũ VCQL, GV và CV.

Nội dung giải pháp:

- Bồi dưỡng kiến thức về QCN cho đội ngũ VCQL, GV và CV bao gồm cả phần lý thuyết và thực hành kỹ năng xử lý các tình huống liên quan bảo vệ, bảo đảm QCN cho SV trong các hoạt động học tập, giáo dục; các hoạt động thực hiện thủ tục hành chính liên quan quá trình học tập, giáo dục SV.

- Bồi dưỡng kiến thức về truyền thông cho đội ngũ VCQL, GV và CV bao gồm khái niệm, đặc điểm của truyền thông trong cơ sở giáo dục đại học để chỉ ra sự khác biệt giữa truyền thông đại chúng với truyền thông trong nhà trường; cơ chế vận hành của truyền thông: nguồn phát (chủ thể giáo dục), nguồn nhận (đối tượng giáo dục), thông điệp (nội dung giáo dục), các kênh truyền thông (chính khóa, ngoại khóa...) và các yếu tố liên quan...

- Bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại nhằm hiện đại hóa các kênh truyền thông về QCN cho SV nhằm đẩy mạnh

ứng dụng công nghệ số, khai thác nền tảng số trong truyền thông về QCN trong công tác quản lý, giảng dạy, phục vụ SV.

Cách thức thực hiện

- Xác định nhu cầu bồi dưỡng:
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng về QCN và truyền thông QCN cho CBQL, GV, VC.

4.2.3. Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện truyền thông về quyền con người cho sinh viên

Mục tiêu giải pháp: Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện truyền thông về QCN cho SV nhằm lựa chọn nội dung (thông điệp truyền thông); hình thức, phương pháp (kênh truyền thông) phù hợp với SV; điều kiện về nhân lực, vật lực; chương trình đào tạo và các hoạt động giáo dục (chính khóa, ngoại khóa) của Nhà trường nhằm tăng cường công tác truyền thông về QCN cho SV.

Nội dung giải pháp: Lựa chọn nội dung truyền thông phù hợp với Đề án đưa truyền thông về QCN cho SV vào trong nhà trường đi đôi với đổi mới cách thức cập nhật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục SV về QCN thông qua các kênh truyền thông đa dạng, phong phú (giảng dạy, kiến tập, thực tế, thực tập nghề nghiệp và các hoạt động ngoại khóa)

Cách thức thực hiện

- Nghiên cứu, lựa chọn nội dung truyền thông về QCN cho SV để lồng ghép vào trong các giờ học chính khóa và lựa chọn hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp với SV, điều kiện phòng học, trang thiết bị dạy học của nhà trường.

Lồng ghép trong giảng dạy các học phần, đặc biệt là các học phần liên quan đến tư tưởng chính trị, văn hóa, đạo đức, pháp luật và chú trọng tuyên truyền, phổ biến các nội dung giúp SV nhận biết, hiểu rõ về QCN; giải thích về các nguy cơ và hậu quả của việc không có nhận thức đầy đủ về QCN, từ đó vừa không bảo vệ được QCN của bản thân đồng thời có thể làm tổn thương, xâm phạm QCN của người khác hoặc bị lôi kéo bởi các hoạt động tuyên truyền lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền của thế lực thù địch. Trong đó, các học phần lý luận chính trị, các học phần chuyên ngành liên quan pháp luật có nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho việc lồng ghép vấn đề QCN. Tại khoa Lý luận chính trị VCQL Khoa, quản lý bộ môn cần chỉ đạo, động viên, khuyến khích

GV các học phần chú trọng lồng ghép nội dung QCN một cách linh hoạt bằng nhiều hình thức, phương pháp, phương tiện đa dạng, phong phú. Trong đó, có một số học phần có nội dung thuận lợi cho việc lồng ghép nội dung này như: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để nâng cao hiệu quả lồng ghép nội dung truyền thông QCN cho SV, Nhà trường nên thành lập bộ phận chuyên trách về các vấn đề xã hội để hỗ trợ GV bộ môn lồng ghép các nội dung giáo dục trước những vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội và ảnh hưởng đến SV, trong đó có vấn đề QCN. Bộ phận chuyên trách cần tập hợp được một đội ngũ VCQL, GV, CV có am hiểu về QCN để trợ giúp GV, SV trong quá trình truyền thông về QCN trong các giờ học chính khóa hoặc ngoại khóa. Thông qua đó, nâng cao hiệu quả truyền thông về QCN cho SV, giúp nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, rèn luyện ý chí, bản lĩnh bảo vệ, đảm bảo QCN của SV.

- Đa dạng hóa các kênh truyền thông và đổi mới cách truyền thông:

Truyền thông trực tiếp hoặc gián tiếp. Kênh truyền thông gián tiếp: thông qua hệ thống các văn bản của các khoa, phòng; Website của Trường, mạng xã hội của Trường và của SV của Trường (Zalo, Facebook, Fanpage, Instagram, TikTok, YouTube...); đường dây nóng của Trường; tài liệu, sách tham khảo trong thư viện với những quy định, quy chế chặt chẽ nhưng phải cởi mở, tôn trọng SV; tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích SV tham gia. Thông qua đó, kịp thời tiếp nhận thông tin của SV về QCN; tạo được sự phản hồi hai chiều tích cực từ chủ thể truyền thông với đối tượng truyền thông; có phương án khắc phục yếu tố xã hội và kỹ thuật gây nhiễu trong quá trình truyền thông; kịp thời hướng dẫn, tư vấn hoặc định hướng SV trong các cuộc trao đổi để thảo luận về các vấn đề liên quan QCN và hỗ trợ SV khi cần thiết.

- Nghiên cứu, lựa chọn nội dung truyền thông về QCN cho SV để lồng ghép vào trong các hoạt động ngoại khóa của nhà trường như: giáo dục đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa; hội nghị đối thoại với SV; các phong trào, hoạt động của Đoàn thanh niên, của liên chi đoàn; của các câu lạc bộ, hội nhóm SV; các hoạt động thực tập, thực tế, nói chuyện chuyên đề của các chuyên gia về công tác tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật về QCN... Cụ thể như:

Lồng ghép trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá của phòng Công tác sinh viên: Tuyên truyền hai nhóm quyền cơ bản:

Nhóm các quyền dân sự, chính trị: Như quyền bầu cử, ứng cử và tham gia điều hành các

công việc xã hội...

Nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa bao gồm: Quyền làm việc; quyền quyền được giáo dục; quyền được tiếp cận với nước ...

Lồng ghép trong các chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên như: Tổ chức các buổi nói chuyện, hội thảo, buổi tư vấn, workshop, các cuộc thi tìm hiểu về QCN hoặc các chiến dịch tuyên truyền về QCN cho SV để nâng cao ý thức và kỹ năng xử lý vấn đề về QCN. Trong các hoạt động này, chú ý chuyển tải các thông điệp về truyền thống nhân văn, giàu nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc cũng như những rào cản về tư duy, nếp nghĩ, lối sống ảnh hưởng đến việc bảo vệ, bảo đảm QCN trong xã hội hiện đại; những quan điểm sai trái về QCN; những luận điệu phủ định thành tựu bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam nhằm nâng cao hiểu biết, tăng cường lòng tự tôn dân tộc; ý thức cảnh giác trong bảo vệ, bảo đảm QCN theo quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, những biểu hiện làm tổn thương, xâm phạm QCN trong thực tế cuộc sống và trên mạng xã hội nhằm nâng cao ý thức bảo vệ QCN, văn hóa sử dụng mạng xã hội tôn trọng QCN trong SV.

4.2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác truyền thông quyền con người cho sinh viên

Mục tiêu giải pháp:

Để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đối tượng truyền thông về QCN, Nhà trường phải bố trí nguồn lực về cơ sở vật chất, phương tiện (hạ tầng thông tin, thiết bị truyền thông, nguồn lực tài chính...) nhằm tạo điều kiện cho việc triển khai các giải pháp truyền thông về QCN cho SV đạt được hiệu quả.

Nội dung giải pháp: Đầu tư nguồn sách, tài liệu tham khảo; phòng học đa năng, có trang thiết bị hiện đại, hạ tầng thông tin thông suốt; Đầu tư cho các hoạt động ngoại khóa, thực tế, thực tập nghề nghiệp; thiết lập môi trường số để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục SV về QCN; đầu tư kinh phí cho các giải pháp tăng cường công tác truyền thông về QCN cho SV.

Cách thức thực hiện

- Đầu tư nguồn sách, tài liệu tham khảo (văn bản, sách, báo, tạp chí...) về QCN; chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN.

- Đầu tư các phòng học đa năng, có trang thiết bị hiện đại, hạ tầng thông tin thông suốt để thực hiện các hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật cho SV trong đó có tuyên truyền, phổ biến, giáo dục SV về QCN bằng phương pháp trực quan hiệu quả. Ở đó, có thể thực hiện các giờ thảo luận, ngoại khóa (tổ chức cuộc thi, diễn đàn trao đổi, nói chuyện chuyên đề; đối thoại ...)

- Đầu tư cho các hoạt động ngoại khóa để lồng ghép nội dung truyền thông về QCN cho SV khi có điều kiện phù hợp.

- Đầu tư cho việc thiết lập môi trường số để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục SV về QCN.

- Đầu tư kinh phí cho các hoạt động tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về QCN và truyền thông về QCN cho đội ngũ VCQL, GV, CV; bổ sung kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục như các cuộc thi, các diễn đàn về QCN cho SV; kinh phí cho các hoạt động xây dựng học liệu lồng ghép trong giảng dạy, phục vụ các hoạt động truyền thông về QCN cho SV cho các đơn vị, các GV tham gia.

4.2.5. Tăng cường liên kết với các cơ sở nghiên cứu, giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước trong truyền thông về quyền con người cho sinh viên

Mục tiêu giải pháp: Tăng cường liên kết với các cơ sở nghiên cứu, giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước trong truyền thông về QCN cho SV nhằm tranh thủ, phát huy nguồn lực về chuyên gia, tài liệu lý luận, thực tiễn... từ bên ngoài nhà trường, của xã hội giúp tạo thành sức mạnh tổng hợp cho việc truyền thông QCN cho SV đạt được hiệu quả cao hơn.

Nội dung giải pháp: Liên kết với các cơ sở nghiên cứu về QCN, cơ sở giáo dục có đào tạo, bồi dưỡng về QCN, cơ quan quản lý nhà nước về QCN thực hiện các nội dung truyền thông về QCN cho SV.

Cách thức tổ chức thực hiện:

Các đơn vị quản lý SV, phòng chức năng cần chủ động xây dựng kế hoạch mời chuyên gia, nhà quản lý ở các cơ sở nghiên cứu về QCN, cơ sở giáo dục có đào tạo, bồi dưỡng về QCN đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong truyền thông về QCN cho

VCQL, GV, SV như: Đại học Luật Hà Nội; trường Đại học Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và quyền công dân thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Viện Quyền con người thuộc Học viện Quốc gia Hồ Chí Minh... Liên kết, hợp tác với các cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về nhân quyền, bảo vệ QCN ở địa phương như: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1. Quyền con người là các đặc quyền tự nhiên, bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của tất cả mọi người, được cộng đồng quốc tế và quốc gia thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế. QCN có các đặc trưng cơ bản: tính phổ quát, không thể chuyển nhượng, không thể phân chia, các QCN phụ thuộc, liên hệ lẫn nhau. Những nguyên tắc cơ bản của QCN phải được áp dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội bao gồm: Nguyên tắc bình đẳng; không phân biệt đối xử; nhân phẩm và sự tôn trọng. Những quyền cơ bản của con người bao gồm: Nhóm các quyền dân sự, chính trị; nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

2. Đảng và Nhà nước ta luôn có chủ trương, chính sách, pháp luật về việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam theo quan điểm: coi QCN được coi là giá trị chung của nhân loại; trong xã hội phân chia giai cấp đối kháng QCN mang tính giai cấp sâu sắc; QCN không tách rời độc lập dân tộc và thuộc phạm vi chủ quyền quốc gia; không tách rời lịch sử, truyền thống và trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của mỗi quốc gia; QCN là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa; QCN được ghi nhận, bảo vệ bằng pháp luật; QCN không tách rời nghĩa vụ, trách nhiệm cá nhân. Ở Việt Nam, một trong những cơ chế quan trọng trong bảo vệ QCN ở Việt Nam là phát huy vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong bảo vệ QCN vì vậy việc đẩy mạnh truyền thông về QCN cho SV là nhiệm vụ cấp thiết.

3. Truyền thông về QCN cho SV là truyền thông trong nhà trường nhằm chuyển tải, chia sẻ và phổ biến thông tin giữa nhà trường với người học nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của SV về QCN; nâng cao ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước. Truyền thông về QCN cho SV có chủ thể (nguồn phát); đối tượng (nguồn nhận); nội dung (thông điệp); công cụ, phương tiện (kênh truyền thông) gắn với các cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của một cơ sở giáo dục đại học góp phần triển khai quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Đề án truyền thông về QCN ở Việt Nam và Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trong quá

trình truyền thông về QCN cho SV cũng cần phải chú ý đến những yếu tố: phản hồi, hiệu quả, nhiều để làm cơ sở lý luận cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục SV về QCN.

4. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong quá trình hình thành, phát triển luôn đồng hành và phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường nên việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật trong đó có truyền thông về QCN cho SV là rất cần thiết nhằm đào tạo ra những thế hệ cán bộ, công chức trong tương lai vừa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vừa có năng lực tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN trong quá trình hoạt động công vụ; bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân trong các lĩnh vực đất đai, môi trường... Việc truyền thông về QCN cho SV giúp SV nâng cao nhận thức của sinh viên về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN; nâng cao ý thức pháp luật; rèn luyện kỹ năng, hình thành thói quen tôn trọng QCN và các quy định pháp luật về bảo vệ, bảo đảm QCN.

5. Thực tiễn truyền thông về QCN cho SV tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội phản ánh trên cả hai mặt: kết quả và hạn chế thể hiện qua các kết quả về công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật được đánh giá trong báo cáo tổng kết công tác hằng năm của nhà trường và qua đánh giá khảo sát bằng phương pháp điều tra xã hội học về nhận thức, thái độ, hành vi của SV về QCN. Nguyên nhân kết quả và hạn chế xuất phát từ những yếu tố cơ bản và cơ chế hoạt động của truyền thông từ chủ thể truyền thông đến đối tượng truyền thông, nội dung, kênh truyền thông và các yếu tố khách quan khác.

6. Để nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về QCN cho SV tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cần thực hiện các giải pháp đồng bộ liên quan đến các yếu tố cơ bản và cơ chế hoạt động của truyền thông.

2. Kiến nghị

- Đối với Đảng ủy, BGH Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thuộc Trường tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng linh hoạt việc thực hiện công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, pháp luật cho SV trong đó có công tác truyền thông về QCN cho SV theo Đề án đưa nội dung QCN vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt. Chỉ đạo các đơn vị thuộc trường

đề xuất ban hành các văn bản nhằm nâng cao ý thức phục vụ, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN cho SV trong đội ngũ VCQL, GV, CV đồng thời thúc đẩy việc truyền thông về QCN cho SV bằng nhiều hình thức, công cụ, phương thức kết hợp cả truyền thông và ứng dụng công nghệ số hiện đại.

- Phòng Tổ chức – Hành chính: Quan tâm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về QCN, truyền thông về QCN cho đội ngũ VCQL, GV, CV của Nhà trường. Trong đó, chú trọng cả về mặt lý luận và mặt thực tiễn; kết hợp lý thuyết với kỹ năng giải quyết vấn đề nhằm nâng cao nhận thức, năng lực truyền thông cho các chủ thể truyền thông trong nhà trường. Ngoài ra, ban hành các văn bản về văn hóa công sở, văn hóa học đường, thi đua khen thưởng ...nhằm nâng cao ý thức phục vụ, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN cho SV đối với đội ngũ VCQL, GV, CV.

- Phòng Công tác SV và các phòng chức năng tích cực tham mưu, tổ chức các cuộc đối thoại, tổ chức các diễn đàn trên nhóm, lớp, hội của SV thông qua các kênh truyền thông, hiện đại (các kênh, mạng chính thống của Nhà trường); thành lập Ban Tư vấn tâm lý học đường; thiết lập đường dây nóng để làm cầu nối tin cậy giữa SV với gia đình, SV với SV, SV với GV; kịp thời lắng nghe, tiếp nhận thông tin, diễn biến tâm lý của SV có liên quan đến QCN.

- Đoàn thanh niên tích cực tổ chức và tham mưu tổ chức các diễn đàn sinh hoạt tư tưởng, các cuộc thi, các sân chơi bổ ích về QCN cho SV.

- Các khoa quản lý SV, kịp thời nắm bắt, tiếp nhận thông tin, động viên, giúp đỡ SV trong cuộc sống, học tập; đẩy mạnh đổi mới giáo dục gắn với thực tế, với truyền thông về QCN để giúp SV có kiến thức, có thái độ, kỹ năng tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN của bản thân và người khác.

Khoa Lý luận chính trị cần tích cực nghiên cứu để xây dựng nội dung truyền thông QCN lồng ghép trong giảng dạy một số học phần.

- Đội ngũ cố vấn học tập, giảng viên, chuyên viên nâng cao tinh thần trách nhiệm với SV trong giáo dục tư tưởng chính trị; đạo đức, pháp luật, nêu gương về việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN của bản thân và SV.

- Thư viện nhà trường kịp thời bổ sung tài liệu, tư liệu liên quan QCN; đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về QCN; tạo điều kiện thuận lợi cho SV nâng cao kiến thức, kỹ năng giải quyết những tình huống liên quan QCN.

- Hạ tầng thông tin không ngừng được nâng cấp làm nền tảng vững chắc cho công tác truyền thông về QCN cho SV.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo về Nhân quyền của Chính phủ, Văn phòng Thường trực (2012), *Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội
2. Ban bí thư trung ương Đảng, Chỉ thị số 12 ngày 12/7/1992 *Về vấn đề quyền con người và quan điểm chủ trương của Đảng ta*
3. Hoàng Thị Hòa Bình (2010), *Tâm lý học tuyên truyền*, Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội
4. Lại Thị Thanh Bình (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
5. Bộ Ngoại giao (2017), *Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam*, Hà Nội
6. Bộ Tư pháp (2005), *Việt Nam với vấn đề quyền con người*, Hà Nội
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu tập huấn tuyên truyền, giáo dục về quyền con người trong tuần sinh hoạt công dân – sinh viên* (Dành cho cán bộ phụ trách công tác sinh viên), tháng 12/2023
8. Nguyễn Văn Cương và Trương Hồng Quang (2021), *Xu hướng mới về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
9. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
10. Nguyễn Tiến Dũng, *Tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 2 (Số 389), tháng 9/2023
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
12. Đại học Quốc gia Hà nội (2011), *Luật quốc tế về quyền con người - Những vấn đề cơ bản*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội
13. Đại học Quốc gia Hà nội (2011), *Luật quốc tế về quyền của nhóm dễ bị tổn thương*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội
14. Đảng ủy trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, *Báo cáo tổng kết công tác các năm 2021, 2022, 2023 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2022, 2023, 2024*

15. Hiến pháp 2013, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021
16. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về Quyền con người* (dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị), Nxb Lý luận chính trị. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Lý luận và pháp luật về quyền con người*, dành cho hệ Cao cấp lý luận chính trị, NXB. Lý luận chính trị, Hà Nội
17. Hương Linh, *Việt Nam tích cực tuyên truyền, giáo dục về quyền con người*, Tạp chí điện tử Cộng sản ngày 20/9/ 2023
18. Trần Hữu Quang (2006), *Xã hội học báo chí*, Nxb Trẻ, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Trung tâm Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương
19. Dương Xuân Sơn (2012), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
20. Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
21. Phạm Hồng Thái (2016), *Tư tưởng Việt Nam về QCN*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
22. Lan Thu, *Nội dung truyền thông về quyền con người ở Việt Nam*”, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, ngày 17/9/ 2022
23. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1998), *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
24. Trung tâm Từ điển học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng
25. Vũ Anh Tuấn, *Một số nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục quyền con người hiện nay*, Tạp chí điện tử Nghiên cứu lập pháp số 9 (313), tháng 5/2016
26. Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 41 ngày 2/12/2004 về “Tăng cường công tác bảo vệ, đấu tranh về nhân quyền trong tình hình mới”
27. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1079/QĐ-TTg ngày 14/ 9/2022 Phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam
28. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 5/9/2017, Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân
29. Thu Uyên, *Nâng cao hiệu quả truyền thông về quyền con người tại Việt Nam*, Tạp chí điện tử Xây dựng Đảng, ngày 9/10/ 2023

30. Viện Nghiên cứu quyền con người (2005), *Luật quốc tế về quyền con người*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội
 31. Viện Nghiên cứu quyền con người (2008), *Tìm hiểu về quyền con người*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
 32. Viện Nghiên cứu quyền con người (2011), *Bình luận và khuyến nghị chung của các Ủy ban Công ước thuộc Liên hiệp quốc về quyền con người*, Nxb Công an nhân dân
 33. United National: Human Rights: Questions and Auswers, New York and Geneva, 2006, tr.4.
 34. Jacques Mourgon trong QCN, NXB. Đại học Pháp, tháng 1-1990
 35. Manuel Guzman Bert Verstappen, What is monitoring, 2003, NXB. HURIDOCS, Thụy Sĩ. Tr. 14.
- Privacy and Human rights an International survey of privacy laws and practice
<http://gilc.org/privacy/survey/intro.html#fnlnk0009>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

(Dành cho sinh viên)

Đối tượng: SV thuộc 17 ngành(Bất động sản, Biến đổi khí hậu và PTBV, CNTT, Kế toán, Khí tượng - Thủy văn, Khoa học biển và hải đảo, Kinh tế tài nguyên môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kỹ thuật địa chất, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Luật, Môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý biển, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thủy văn học)

Trường khảo sát: Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Số lượng khảo sát: 316 phiếu

Thời gian khảo sát: Tháng 05 năm 2024

Nội dung phiếu:

Phần I: Thông tin về bản thân

1. Giới tính:	1. Nam	2. Nữ
2. Quê quán:	1. Miền núi (vùng thành thị) 3. Đồng bằng (vùng thành thị)	2. Miền núi (vùng nông thôn) 4. Đồng bằng (vùng nông thôn)
2. Năm học thứ:	1. Thứ nhất 3. Thứ ba	2. Thứ hai 4. Thứ tư
3. Chuyên ngành/Ngành:	

Phần II: Trả lời các câu hỏi

Câu 1: Bạn đã bao giờ nghe nói đến quyền con người và mức độ quan tâm của bạn về quyền con người?

- Đã nghe và rất quan tâm tìm hiểu về quyền con người trên thế giới và Việt Nam
- Có nghe và có hiểu biết một ít về quyền con người
- Có nghe nhưng không quan tâm tìm hiểu
- Chưa nghe thấy bao giờ và chưa có điều kiện tìm hiểu
- Chưa nghe thấy bao giờ và cũng không quan tâm tìm hiểu

Câu 2: Bạn cho biết mức độ đồng tình của bạn về một số ý kiến về quyền con người sau đây:

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất đồng tình, 2 - Đồng tình, 3 - Bình thường, 4 - Không đồng tình, 5 - Hoàn toàn không đồng tình)

STT	ý kiến về quyền con người	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Quyền con người là tự nhiên, vốn có	1	2	3	4	5
2	Quyền con người là nhân phẩm của con người	1	2	3	4	5
3	Quyền con người phải được pháp luật thừa nhận và bảo vệ	1	2	3	4	5

Câu 3: Nếu bạn đã biết đến quyền con người thì do thông qua những kênh nào sau đây? (được chọn nhiều phương án)

- Thông qua mạng xã hội (Zalo, facebook ...) cá nhân hoặc đọc/nghe được trên Internet, báo, đài
- Thông qua Webside của trường, các trang mạng xã hội của trường
- Bạn bè ở trường, nơi ở hiện tại, nơi làm thêm nói với bạn
- Thông qua thầy cô giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo
- Thông qua tham gia các câu lạc bộ và sinh hoạt hội, Đoàn Thanh niên
- Thông qua người thân trong gia đình, họ hàng; người quen nói lại cho bạn
- Tự chủ động tìm hiểu về quyền con người

Câu 4: Nếu trong quá trình học tập trên lớp hoặc họp lớp, họp nhóm mà có một bạn nêu ra ý kiến rất khác với mọi người thì bạn nghĩ gì và có thái độ như thế nào? (chọn 1 phương án)

- Cùng cười với các bạn khác và cùng các bạn đưa ra câu bình luận, đánh giá bạn là lập dị, muốn thể hiện bản thân
- Cùng cười với các bạn khác và đồng tình với sự bình luận, đánh giá bạn đó là muốn thể hiện bản thân và muốn khác người
- Không làm gì cả và cũng không có ý kiến gì
- Sẽ suy nghĩ về ý kiến của bạn và thể hiện sự tôn trọng ý kiến của bạn
- Sẽ suy nghĩ về ý kiến của bạn và đề nghị các bạn trong lớp/nhóm hãy suy nghĩ để tìm ra điểm hợp lý trong ý kiến của bạn

Câu 5: Theo bạn, với tình huống trên: Nếu trong quá trình học tập trên lớp hoặc họp lớp, họp nhóm mà có một bạn nêu ra ý kiến rất khác với mọi người thì thường sẽ xảy ra trường hợp nào?

- a. Nhiều người cùng cười và đưa ra câu bình luận, đánh giá bạn đó là lập dị, muốn thể hiện bản thân, muốn khác người
- b. Một số người sẽ không làm gì cả và cũng không có ý kiến gì
- c. Một số người thể hiện sự tôn trọng ý kiến của bạn
- d. Một số người đề nghị các bạn trong lớp/nhóm hãy suy nghĩ để tìm ra điểm hợp lý trong ý kiến của bạn

Ý kiến khác:.....

Câu 6: Khi nhìn thấy một bạn bị khuyết tật ở chân, có dáng đi rất dễ gây cười đi ở trong khuôn viên trường, bạn sẽ làm gì? (*chọn 1 phương án*)

- a. Cùng cười với các bạn khác khi nhìn thấy bạn
- b. Nhìn đi chỗ khác để không cười
- c. Nhìn bạn với sự chia sẻ, cảm thông
- d. Không làm gì cả và cũng không tỏ thái độ gì
- e. Nhìn bạn với sự cảm thông và sẽ nói với bạn là nếu bạn cần giúp đỡ thì có thể nói với bạn

Câu 7: Trong lớp có một bạn gặp một tình huống đặc biệt (bố mẹ vừa ly hôn/ doanh nghiệp gia đình bạn bị phá sản/ bạn mang thai ngoài ý muốn khi chưa kết hôn...). Bạn sẽ làm gì? (*chọn một phương án*)

- a. Cùng hưởng ứng với sự xì xào lan truyền trong lớp về tình huống bạn đó đang gặp phải
- b. Cùng hưởng ứng với sự xì xào lan truyền trong lớp về tình huống bạn đó đang gặp phải và đưa ra ý kiến suy diễn của bản thân về bạn đó
- c. Tiếp nhận thông tin, thận trọng đưa ra ý kiến về bạn vì cho rằng không có đầy đủ thông tin thì không nên đưa ra các ý kiến bàn tán vô căn cứ
- d. Khuyến các bạn trong lớp là nên hỏi bạn nếu bạn sẵn sàng chia sẻ tình huống bạn đó đang gặp phải và sẽ giúp đỡ bạn nếu bạn đó có mong muốn, nhu cầu
- e. Không tham gia sự bàn tán trong lớp vì cho đó là việc riêng của bạn đó

Câu 8: Vẫn là tình huống: Trong lớp có một bạn gặp một tình huống đặc biệt (bố mẹ vừa ly hôn/ doanh nghiệp gia đình bạn bị phá sản/ bạn mang thai ngoài ý muốn khi chưa kết hôn...). Thông thường bạn thấy sẽ xảy ra trường hợp nào? (*chọn một phương án*)

- a. Nhiều người cùng hưởng ứng với sự xì xào lan truyền trong lớp về tình huống bạn đó đang gặp phải
- b. Nhiều người cùng hưởng ứng với sự xì xào lan truyền trong lớp về tình huống bạn đó đang gặp phải và đưa ra ý kiến suy diễn của bản thân về bạn đó
- c. Tiếp nhận thông tin, thận trọng đưa ra ý kiến về bạn vì cho rằng không có đầy đủ thông tin thì không nên đưa ra các ý kiến bàn tán vô căn cứ
- d. Khuyến các bạn trong lớp là nên hỏi bạn nếu bạn sẵn sàng chia sẻ tình huống bạn đó đang gặp phải và sẽ giúp đỡ bạn nếu bạn đó có mong muốn, nhu cầu
- e. Không tham gia sự bàn tán trong lớp vì cho đó là việc riêng của bạn

Câu 9: Khi nhìn thấy một bạn trong lớp mặc trang phục và nhuộm tóc rất rực rỡ, khác người thì bạn sẽ làm gì (*chọn 1 phương án*)

- a. Cùng cười với các bạn khác khi nhìn thấy bạn và đưa ra lời bình luận
- b. Nhìn đi chỗ khác để không cười và không có ý kiến gì
- c. Nhìn bạn và nói với bạn rằng: mình thấy trang phục và màu tóc này không phù hợp với môi trường trường học
- d. Nhìn bạn và hỏi bạn: Theo bạn thì trang phục và màu tóc này của bạn có phù hợp với môi trường trường học không?
- e. Có hành động làm thân với bạn và nói với bạn rằng: Việc mặc trang phục và nhuộm màu tóc gì thì cũng là quyền của bạn, nhưng bạn có thể cân nhắc về việc có phù hợp với môi trường trường học không bạn nhé

Câu 10: Bạn có quan điểm thế nào về việc bình luận trên mạng xã hội (zalo, facebook... của lớp/trường bạn) về cuộc sống cá nhân hoặc quan điểm cá nhân của một bạn hoặc nhóm bạn khác trong lớp/trường của bạn?

- a. Sẽ bình luận theo ý kiến của đa số
- b. Sẽ bình luận theo ý kiến của cá nhân
- c. Chỉ đọc mà không bình luận vì không liên quan đến mình

- d. Tìm cách đưa ra bình luận theo chiều hướng tích cực, với tinh thần xây dựng cho bạn hoặc nhóm bạn đó
- e. Không dám bình luận vì sợ bị người khác đưa ra ý kiến phản bác bằng lời lẽ khiếm nhã

Câu 11: Vẫn về việc bình luận trên mạng xã hội (zalo, faebook ...của lớp/trường bạn) về cuộc sống cá nhân hoặc quan điểm cá nhân của một bạn hoặc nhóm bạn khác trong lớp/trường. Bạn thấy thường có xu hướng nào?

- a. Sẽ bình luận theo ý kiến của đa số
- b. Sẽ bình luận theo ý kiến của cá nhân
- c. Chỉ đọc mà không bình luận vì không liên quan đến mình
- d. Tìm cách đưa ra bình luận theo chiều hướng tích cực, với tinh thần xây dựng cho bạn hoặc nhóm bạn đó
- e. Không dám bình luận vì sợ bị người khác đưa ra ý kiến phản bác bằng lời lẽ khiếm nhã

Câu 12: Trong một buổi học, sau khi bạn A ra ngoài vào giờ nghỉ giải lao về thì phát hiện bị mất đồ cá nhân. Qua quan sát, nhiều bạn trong lớp cho rằng bạn B là người lấy cắp đồ của bạn A vì bạn có những hành động khả nghi trong và sau giờ giải lao. Bạn sẽ làm gì?

- a. Tán thành với ý kiến của nhiều bạn trong lớp là khám đồ cá nhân của bạn B ngay lập tức tại lớp
- b. Không tán thành với ý kiến khám đồ cá nhân của bạn B và đề nghị thực hiện thận trọng theo từng bước: bạn A tìm lại đồ, tiếp đến là hỏi các bạn trong lớp có thấy đồ của bạn làm rơi ở đâu không, cuối cùng là đưa ra một cách giải quyết nào đó mà không làm tổn thương người khác kể cả người đó bị nghi oan hoặc không oan

Câu 13: Bạn có đồng ý với ý kiến: Hiện nay, sinh viên chưa thật sự có kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền con người trong môi trường học tập và cuộc sống cá nhân

- a. Rất đồng ý
- b. Đồng ý
- c. Không đồng ý
- d. Rất không đồng ý
- e. Phân vân

Câu 14: Bạn cho biết mức độ đồng tình của bạn về việc phải tăng cường công tác truyền thông trong nhà trường về quyền con người cho sinh viên:

- a. Rất đồng tình
- b. Đồng tình
- c. Phân vân vì vấn đề quyền con người không liên quan nhiều đến chuyên môn, nghiệp vụ sau này
- d. Không đồng tình vì đưa vào sẽ dẫn đến quá tải vấn đề cần truyền thông trong khi đó có nhiều vấn đề quan trọng hơn
- e. Hoàn toàn không đồng tình vì cho rằng vấn đề này không quan trọng với sinh viên

Câu 15: Bạn cho biết mức độ đồng tình của bạn về tầm quan trọng của việc truyền thông trong nhà trường về quyền con người cho sinh viên

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất đồng tình, 2 - Đồng tình, 3 - Bình thường, 4 - Không đồng tình, 5 - Hoàn toàn không đồng tình)

STT	Tầm quan trọng của truyền thông quyền con người cho sinh viên	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Tạo sự chuyển biến trong nhận thức của SV về tầm quan trọng của việc hiểu biết quyền con người và bảo vệ quyền con người	1	2	3	4	5
2	Nâng cao ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác	1	2	3	4	5
3	Nâng cao ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước	1	2	3	4	5

Câu 16: Bạn cho biết hiện nay sinh viên tiếp nhận kiến thức về quyền con người chủ yếu từ nguồn phát nào của truyền thông trong nhà trường và đánh giá mức độ truyền thông thường xuyên của nguồn phát đó.

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất thường xuyên, 2 - Thường xuyên, 3 - Không thường xuyên, 4 - Rất không thường xuyên, 5 - Chưa thấy đề cập)

STT	Nguồn phát của truyền thông trong nhà trường	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nhà trường có văn bản chỉ đạo triển khai công tác truyền thông về quyền con người trong các hoạt động chính khóa, ngoại khóa	1	2	3	4	5
2	Các phòng, ban chức năng có truyền thông về quyền con người trong các hoạt động do phòng ban chủ trì tổ chức (tuần giáo dục công dân, hội nghị đối thoại chính trị ...)	1	2	3	4	5
3	Các khoa quản lý sinh viên có truyền thông về quyền con người trong các hoạt động của khoa (nói chuyện chuyên đề, hội thảo khoa học ...)	1	2	3	4	5
4	Cán bộ đoàn trường, liên chi đoàn có truyền thông về quyền con người trong các hoạt động của Đoàn thanh niên	1	2	3	4	5
5	Giáo viên bộ môn có truyền thông về quyền con người trong giảng dạy các môn học	1	2	3	4	5
6	Cố vấn học tập có truyền thông về quyền con người	1	2	3	4	5
7	Các câu lạc bộ có nội dung truyền thông về quyền con người	1	2	3	4	5
8	Các bạn cán sự lớp, cán bộ đoàn có đề cập tới vấn đề này	1	2	3	4	5
9	Tài liệu trong Nhà trường có đề cập tới vấn đề quyền con người	1	2	3	4	5

Câu 17: Bạn cho biết hiện nay sinh viên tiếp nhận kiến thức về quyền con người chủ yếu từ các kênh truyền thông nào trong nhà trường và đánh giá mức độ truyền thông thường xuyên của kênh đó.

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất thường xuyên, 2 - Thường xuyên, 3 - Không thường xuyên, 4 - Rất không thường xuyên, 5 - Chưa bao giờ đề cập tới quyền con người)

STT	Kênh truyền thông trong nhà trường	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Chương trình chính khóa	1	2	3	4	5
	- Môn học pháp luật hoặc pháp luật đại cương					
2	- Các môn lý luận chính trị	1	2	3	4	5

3	- Các môn học có thể liên hệ về quyền con người	1	2	3	4	5
4	Chương trình ngoại khóa - Hoạt động nghiên cứu khoa học	1	2	3	4	5
5	- Diễn án đối với SV khoa luật	1	2	3	4	5
6	- Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về quyền con người	1	2	3	4	5
7	- Xây dựng chuyên mục giáo dục quyền con người trên trang thông tin điện tử của Trường	1	2	3	4	5
8	- Một số hoạt động ngoại khóa khác phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	1	2	3	4	5
9	- Trên các kênh thông tin của nhà trường: Webside trường; Zalo, Facebook, Fanpage, Instagram, TikTok, YouTube... của lớp, khoa, trường	1	2	3	4	5
10	- Trên các kênh thông tin của nhà trường: bảng tin, loa đài, băng rôn, khẩu hiệu...	1	2	3	4	5

Câu 18. Bạn cho biết mức độ đồng tình của bạn về việc lồng ghép nội dung truyền thông về quyền con người vào các kênh thông tin sau:

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất đồng tình, 2 - Đồng tình, 3 - Bình thường, 4 - Không đồng tình, 5 - Hoàn toàn không đồng tình)

STT	Lồng ghép nội dung truyền thông về quyền con người thông qua các kênh truyền thông	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Chương trình chính khóa - Môn học pháp luật hoặc pháp luật đại cương	1	2	3	4	5
2	- Các môn lý luận chính trị	1	2	3	4	5
3	- Các môn học có thể liên hệ về quyền con người	1	2	3	4	5
4	Chương trình ngoại khóa - Hoạt động nghiên cứu khoa học	1	2	3	4	5
5	- Diễn án đối với SV khoa luật	1	2	3	4	5
6	- Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về quyền con người	1	2	3	4	5
7	- Xây dựng chuyên mục giáo dục quyền con người trên trang thông tin điện tử của Trường	1	2	3	4	5

8	- Một số hoạt động ngoại khóa khác phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	1	2	3	4	5
9	- Trên các kênh thông tin của nhà trường: Webside trường; Zalo, Facebook, Fanpage, Instagram, TikTok, YouTube... của lớp, khoa, trường					
10	- Trên các kênh thông tin của nhà trường: bảng tin, loa đài, băng rôn, khẩu hiệu...					
11	- Trên đường dây nóng, bộ phận tư vấn tâm lý học đường					

Câu 19: Bạn đánh giá mức độ nhận thức, kỹ năng, thái độ của bạn về quyền con người và bảo vệ quyền con người theo quy định của pháp luật (1 - Rất cao, 2 - Cao, 3 - Bình thường, 4 - Không cao, 5 - Rất thấp,)

STT	Nhận thức, kỹ năng, thái độ về quyền con người và bảo vệ quyền con người theo quy định của pháp luật	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Kiến thức về quyền con người: - Khái niệm, đặc trưng, những nguyên tắc, những quyền cơ bản của con người	1	2	3	4	5
2	- Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN	1	2	3	4	5
3	- Ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác	1	2	3	4	5
4	- Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người	1	2	3	4	5
5	- Các nỗ lực, thành tựu bảo đảm quyền con người ở Việt Nam; phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc về tình hình quyền con người ở Việt Nam	1	2	3	4	5
6	- Ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội	1	2	3	4	5

Câu 20: Trong quá trình nhà trường truyền thông về quyền con người, theo bạn, sinh viên có cần được phản hồi hai chiều với các nguồn phát và kênh truyền thông hay không?

- a. Rất cần thiết
- b. Cần thiết
- c. Bình thường
- d. Không cần thiết
- e. Rất không cần thiết

Câu 21: Trong quá trình nhà trường truyền thông về quyền con người, theo bạn, cần phải dự báo được các yếu tố kỹ thuật và xã hội gây nhiễu trong quá trình truyền thông để có giải pháp phù hợp hay không?

- a. Rất cần thiết
- b. Cần thiết
- c. Bình thường
- d. Không cần thiết
- e. Rất không cần thiết

Câu 22: Theo bạn, để nâng cao hiệu quả truyền thông về quyền con người của nhà trường, việc sinh viên nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện về việc bảo đảm quyền con người theo quy định của pháp luật đóng vai trò như thế nào?

- a. Rất quan trọng
- b. Quan trọng
- c. Bình thường
- d. Không quan trọng
- e. Rất không quan trọng

Phụ lục 2. PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

(Dành cho viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên)

Đối tượng: Viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên (VCQL, GV, CV) các khoa, phòng ban

Trường khảo sát: Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Số lượng khảo sát: 49 phiếu

Thời gian khảo sát: Tháng 05 năm 2024

Nội dung phiếu:

Phần I: Thông tin về bản thân

- 1. Giới tính:** 1. Nam 2. Nữ
- 2. Thời gian công tác:** 1. Dưới 5 năm 2. Từ 5 năm đến 10 năm
3. Trên 10 năm đến 20 năm 4. Trên 20 năm
- 3. Vị trí công việc hiện nay** 1. Viên chức quản lý 2. Giảng viên
3. Chuyên viên
- 4. Đơn vị công tác:**

Phần II: Xin ý kiến về một số vấn đề liên quan đề tài nghiên cứu khoa học

Câu 1: Anh/Chị đã bao giờ nghe nói đến quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người và mức độ quan tâm của Anh/Chị về vấn đề này?

- a. Đã nghe và rất quan tâm tìm hiểu vấn đề này
b. Có nghe và biết một ít về vấn đề này
c. Có nghe nhưng không quan tâm tìm hiểu
d. Chưa nghe thấy bao giờ và chưa có điều kiện tìm hiểu
e. Chưa nghe thấy bao giờ và cũng không quan tâm tìm hiểu

Câu 2: Anh/Chị cho biết mức độ hiểu biết của Anh/Chị về quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Biết rất rõ, 2 - Biết rõ, 3 - Bình thường, 4 - Không biết rõ, 5 - Hoàn toàn không biết,)

STT	Quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Khái niệm quyền con người					

2	Các đặc trưng của quyền con người: tính phổ quát, không thể chuyển nhượng, không thể phân chia, các quyền con người phụ thuộc, liên hệ lẫn nhau	1	2	3	4	5
3	Những nguyên tắc cơ bản của quyền con người: bình đẳng, không phân biệt đối xử, nhân phẩm và sự tôn trọng,	1	2	3	4	5
4	Những quyền cơ bản của con người: quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa;	1	2	3	4	5
5	Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam	1	2	3	4	5
6	Thành tựu bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam					

Câu 3: Anh/Chị đã bao giờ gặp trường hợp sinh viên hỏi về quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người và xin ý kiến giải thích hoặc lời khuyên của Anh/Chị?

- Rất nhiều lần với nhiều sinh viên hỏi, quan tâm
- Nhiều lần với nhiều sinh viên hỏi, quan tâm
- Một số lần với nhiều sinh viên hỏi, quan tâm
- Một số lần với ít sinh viên hỏi, quan tâm
- Chưa bao giờ có

Câu 4: Xin Anh/Chị cho biết mức độ đồng tình của Anh/Chị với các ý kiến được nêu sau đây:.

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất đồng tình, 2 - Đồng tình, 3 - Bình thường, 4 - Không đồng tình, 5 - Hoàn toàn không đồng tình.)

STT	Ý kiến	Mức độ				
1	Hiện nay, các phương tiện truyền thông đại chúng rất phát triển nên sinh viên và các lực lượng giáo dục trong nhà trường đều hiểu về quyền con người và không bao giờ làm tổn thương, xâm phạm quyền con người. Đặt ra vấn đề	1	2	3	4	5

	truyền thông cho sinh viên về quyền con người trong nhà trường là không cần thiết					
2	Nội dung giảng dạy, giáo dục trong Nhà trường đã rất nặng rồi nên việc đưa thêm công tác truyền thông cho sinh viên về quyền con người thông qua chương trình chính khóa hoặc ngoại khóa là không khả thi	1	2	3	4	5
3	Sinh viên và lực lượng giáo dục trong cơ sở giáo dục đại học là những người có tri thức nên sẽ có khả năng tự nghiên cứu, tự trang bị kiến thức và điều chỉnh hành vi để không làm tổn thương, xâm phạm quyền con người nên không cần thiết phải đặt ra vấn đề truyền thông vấn đề này trong nhà trường	1	2	3	4	5
4	Đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong nhà trường không phải ai cũng có chuyên môn về vấn đề quyền con người nên việc truyền thông quyền con người cho sinh viên chỉ nên giao cho một số cá nhân, đơn vị có chuyên môn	1	2	3	4	5
5	Việc truyền thông quyền con người cho sinh viên không phải là nhiệm vụ của tất cả các đơn vị, viên chức trong Nhà trường mà là nhiệm vụ của lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị; bộ phận phụ trách công tác sinh viên, cố vấn học tập và các giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, giảng dạy các học phần liên quan pháp luật, cán bộ Đoàn Thành niên.	1	2	3	4	5

Câu 5: Theo Anh/Chị việc truyền thông về quyền con người cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có thật sự cần thiết không?

- a. Rất cần thiết
- b. Cần thiết
- c. Bình thường
- d. Không cần thiết
- e. Rất không cần thiết

Câu 6: Anh/Chị cho biết mức độ quan tâm đến công tác việc truyền thông về quyền con người cho sinh viên của nhà trường hiện nay?

- a. Rất quan tâm
- b. Quan tâm
- c. Bình thường
- d. Không quan tâm
- e. Rất không quan tâm

Câu 7: Có ý kiến cho rằng: Trách nhiệm truyền thông về quyền con người cho sinh viên là trách nhiệm của tất cả các thầy cô, viên chức của tất cả các bộ môn, các khoa, phòng, ban trong Nhà trường. Xin Anh/Chị cho biết ý kiến của Anh/Chị:

- a. Rất đồng tình vì đây là sự nghiệp của tất cả các lực lượng giáo dục trong Nhà trường
- b. Đồng tình vì ai cũng phải có trách nhiệm giáo dục sinh viên và trách nhiệm là như nhau
- c. Đồng tình vì ai cũng phải có trách nhiệm nhưng phải phân biệt ai là chính ai là phụ
- d. Không đồng tình vì không phải ai cũng có chuyên môn, thời gian để làm việc này
- e. Rất không đồng tình vì chỉ bộ phận nào có chức năng, nhiệm vụ chính trong giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên mới phải có trách nhiệm

Câu 8: Xin Anh/Chị cho biết vai trò của các chủ thể giáo dục trong truyền thông về quyền con người cho sinh viên:

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Vai trò đặc biệt quan trọng, 2 - Vai trò quan trọng, 3 - Bình thường, 4 - Không quan trọng, 5 - Rất không quan trọng.)

STT	Các chủ thể truyền thông trong nhà trường	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Lãnh đạo nhà trường, viên chức quản lý của các Khoa, phòng chức năng	1	2	3	4	5
2	Giảng viên, chuyên viên là cán bộ Đoàn Thanh niên, Liên Chi đoàn	1	2	3	4	5
3	Cố vấn học tập	1	2	3	4	5
4	Giảng viên tất cả các bộ môn trong chương trình đào tạo trình độ đại học	1	2	3	4	5
5	Giảng viên giảng dạy các học phần có nội dung liên	1	2	3	4	5

	quan hoặc có thể liên hệ về quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người					
6	Sinh viên là cán bộ Đoàn Thanh niên, cán sự lớp, Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ	1	2	3	4	5
7	Bản thân sinh viên vừa là đối tượng vừa là chủ thể giáo dục thông qua tự giáo dục	1	2	3	4	5

Câu 9: Xin Anh/Chị cho biết vai trò của các kênh truyền thông trong nhà trường về quyền con người cho sinh viên (Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Vai trò đặc biệt quan trọng, 2 - Vai trò quan trọng, 3 - Bình thường, 4 - Không quan trọng, 5 - Rất không quan trọng)

STT	Các kênh truyền thông trong nhà trường	Mức độ				
1	Thông qua hoạt động chính khóa (tất cả các học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học)	1	2	3	4	5
2	Thông qua hoạt động chính khóa (các môn lý luận chính trị, các môn chuyên ngành liên quan pháp luật, đạo đức...);	1	2	3	4	5
3	Thông qua các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường tổ chức (giáo dục đầu khóa, hoạt động của Đoàn Thanh niên, của Liên Chi đoàn, của các Câu lạc bộ, các hoạt động thực tập, thực tế, nói chuyện chuyên đề của các chuyên gia về quyền con người...)	1	2	3	4	5
4	Thông qua các hoạt động ngoại khóa do sinh viên chủ động tổ chức dưới sự quản lý của Nhà trường	1	2	3	4	5
5	Khuyến khích sinh viên nâng cao ý thức bảo vệ, đảm bảo quyền con người bằng việc tự học, tự nghiên cứu, trau dồi, rèn luyện	1	2	3	4	5

Câu 10: Theo Anh/Chị trong quá trình truyền thông về quyền con người cho sinh viên có cần chú ý đến những yếu tố xã hội và kỹ thuật sau không? Mức độ cần chú ý? (Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 – Rất cần chú ý, 2 – Cần chú ý, 3 - Bình thường, 4 - Không cần chú ý, 5 - Rất không cần chú ý)

STT	Những yếu tố xã hội và kỹ thuật	Mức độ				
-----	---------------------------------	--------	--	--	--	--

1	Thói quen trọng tình hơn trọng lý; không coi trọng vai trò của pháp luật trong đời thường và tòa án để bảo vệ các quyền con người của bản thân và người khác	1	2	3	4	5
2	Tâm lý, thái độ bi quan trước pháp luật, không tin tưởng vào hoạt động xét xử của tòa án trong bảo vệ con người và các quyền của họ	1	2	3	4	5
3	Thói quen trọng tình hơn trọng lý; đề quá cao tính cộng đồng; ý thức về cá nhân về quyền của con người mờ nhạt, thụ động so với quyền của cộng đồng	1	2	3	4	5
4	Những thông tin xấu, thông tin độc từ những lực lượng chống đối chế độ XHCN, xuyên tạc, bóp méo thành tựu bảo vệ, bảo đảm quyền con người của Việt Nam	1	2	3	4	5
5	Kỹ năng sử dụng mạng xã hội, văn hóa sử dụng mạng xã hội của một bộ phận sinh viên chưa cao đang “tiếp sức” một cách vô thức dẫn đến làm tổn thương, xâm phạm quyền con người của người khác.	1	2	3	4	5

Câu 11: Xin Anh/Chị cho biết có thể lồng ghép công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên trong mọi hoạt động của Nhà trường không?

- a. Có thể lồng ghép trong mọi hoạt động
- b. Lồng ghép được trong một số hoạt động và một số học phần
- c. Không thể lồng ghép được
- d. Hoàn toàn không thể lồng ghép được

Câu 12: Xin Anh/Chị cho biết mức độ lồng ghép công tác công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên trong giảng dạy hoặc các công tác có liên quan tới sinh viên ở đơn vị Anh/Chị

- a. Rất thường xuyên
- b. Thường xuyên
- c. Bình thường
- d. Không thường xuyên
- e. Hoàn toàn không thường xuyên

Câu 13: Theo Anh/Chị cho biết mức độ hiệu quả của công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục của Nhà trường hiện nay. (Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất cao, 2 - Cao, 3 - Bình thường, 4 - Không cao, 5 - Rất thấp,)

STT	Hiệu quả	Mức độ				
1	Sinh viên hiểu biết, nhận diện được các vấn đề cơ bản về quyền con người (khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc, những quyền cơ bản của quyền con người)	1	2	3	4	5
2	Sinh viên hiểu biết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người	1	2	3	4	5
3	Sinh viên tin tưởng, ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người	1	2	3	4	5
4	Sinh viên có ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác	1	2	3	4	5
5	Sinh viên có lập trường, bản lĩnh chống lại những luận điệu xuyên tạc, bóp méo thành tựu bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam	1	2	3	4	5
	Sinh viên có ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam					

Câu 14: Theo Anh/Chị, để tăng cường công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cần thực hiện những giải pháp nào và mức độ quan trọng của giải pháp đó

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Rất quan trọng, 2 - Quan trọng, 3 - Bình thường, 4 - Không quan trọng, 5 - Rất không quan trọng)

STT	Giải pháp	Mức độ				
1	Nâng cao nhận thức của đội ngũ viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên về tầm quan trọng của công tác truyền thông quyền con người cho sinh viên trong	1	2	3	4	5

	tình hình mới.					
2	Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện truyền thông	1	2	3	4	5
3	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin, kinh phí, sách, tài liệu tham khảo... cho công tác truyền thông quyền con người cho sinh viên	1	2	3	4	5
4	Tăng cường liên kết với các viện nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước trong công tác truyền thông quyền con người cho sinh viên như: mời chuyên gia nói chuyện cho giảng viên, sinh viên; xin/mua tài liệu lý luận, thực tiễn về vấn đề quyền con người ...	1	2	3	4	5
5	Phát huy vai trò của gia đình trong phối hợp với nhà trường thực hiện công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên					
6	Đẩy mạnh hoạt động tự giáo dục của sinh viên trong công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên	1	2	3	4	5

Câu 15: Xin Anh/Chị vui lòng cho nhóm tác giả biết thêm ý kiến về bất cứ vấn đề nào được nêu ở trên:

Phụ lục 3. PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho sinh viên)

Đối tượng: Sinh viên năm nhất, năm hai và năm tư ở các khoa/ngành: Luật; Quản lí đất đai; Marketing; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

Trường khảo sát: Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Số lượng khảo sát: 30 phiếu

Thời gian khảo sát: Tháng 05 năm 2024

Nội dung phiếu:

Họ và tên sinh viên:

Sinh viên năm thứ mấy

1. Thứ nhất	2. Thứ hai
3. Thứ ba	4. Thứ tư

Chuyên ngành/Ngành:

Xin bạn cho biết ý kiến về một số vấn đề liên quan đề tài nghiên cứu khoa học của chúng tôi.

Câu 1: Bạn đã bao giờ nghe nói đến quyền con người và bảo vệ quyền con người? Nếu có thì thông qua kênh nào?

.....

Câu 2: Theo bạn, sinh viên trường Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội có quan tâm tới quyền con người và bảo vệ quyền con người không?

.....

Câu 3: Theo bạn, trong môi trường học tập tại trường Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội có hiện tượng xâm phạm quyền con người không?

.....

Câu 4: Nếu trong quá trình học tập và tham gia các hoạt động chính khóa, ngoại khóa; tham gia các hoạt động do lớp/câu lạc bộ/đoàn thanh niên/nhà trường tổ chức bạn gặp trường hợp có một bạn hoặc nhóm bạn có quan điểm, ý kiến hoặc cách cách ăn mặc, cách phát ngôn khác với số đông thì bạn nghĩ gì và làm gì?

.....

Câu 5: Bạn có thể nêu những ví dụ cụ thể trong thực tế cuộc sống và môi trường học tập, sinh viên có thể bị tổn thương, bị xâm phạm về quyền con người một cách vô thức hoặc cố ý

.....
Câu 6: Theo bạn, khi tham gia mạng xã hội, nếu không thận trọng trong phát ngôn, đánh giá, bình luận thì có thể làm tổn thương, xâm phạm quyền con người của người khác không?

.....
Câu 7: Để nâng cao nhận thức, kỹ năng, thái độ về việc bảo đảm quyền con người cho sinh viên, theo bạn nhà trường có cần phải tăng cường truyền thông về quyền con người cho sinh viên thông qua nhiều hình thức, nhiều kênh khác nhau không? ví dụ thông qua thầy cô liên hệ trong giảng dạy các học phần, thông qua các hoạt động ngoại khóa của khoa, của đoàn thanh niên, thông qua Webside của Trường...?

.....
Câu 8: Các bạn có thích lồng ghép vấn đề quyền con người trong giảng dạy? hoặc hoạt động ngoại khóa? hoạt động Đoàn, hoạt động Câu lạc bộ ...và hướng dẫn các bạn kỹ năng xử lý vấn đề này trong thực tế không?

.....
Câu 9: Các bạn có thích được nghe chuyên gia về quyền con người chia sẻ kiến thức về quyền con người, kỹ năng giải quyết các tình huống thực tế nhằm bảo vệ quyền con người thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, các diễn đàn sinh hoạt tư tưởng của sinh viên không?

.....
Câu 10: Các bạn có thích tạo nên diễn đàn sinh viên một cách chính thống qua mạng xã hội (Zalo, Fanpage ...) trong nội bộ Trường hoặc thông qua đường dây nóng, tư vấn tâm lý ... cho sinh viên để chia sẻ, trao đổi về những vấn đề quyền con người không?

.....
Các bạn có đề xuất thêm những giải pháp nào?

Phụ lục 4. KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho sinh viên)

Câu 1: Bạn đã bao giờ nghe nói đến quyền con người và bảo vệ quyền con người? Nếu có thì thông qua kênh nào?

- Có nghe nói: 29 bạn

- Thông qua các kênh:

+ Mạng xã hội: Facebook, Instagram, Tiktok

+ Truyền hình: Chương trình thời sự VTV1,2,3; Chuyển động 24h; Phim truyền hình

+ Sách vở; báo chí: báo Thanh niên, báo Dân trí, báo Pháp luật Việt Nam; Thư viện pháp luật.

+ Thầy cô giảng dạy

Câu 2: Theo bạn, sinh viên trường Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội có quan tâm tới quyền con người và bảo vệ quyền con người không?

- Có quan tâm: 28 bạn

- Có quan tâm nhưng chưa nhiều: 1 bạn

Câu 3: Theo bạn, trong môi trường học tập tại trường Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội có hiện tượng xâm phạm quyền con người không?

- Không có: 18 bạn

- Có: 11 bạn (3 Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Luật; 5 Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; 1 Marketing; 1 Quản trị kinh doanh; 1 Quản lý đất đai)

Câu 4: Nếu trong quá trình học tập và tham gia các hoạt động chính khóa, ngoại khóa; tham gia các hoạt động do lớp/câu lạc bộ/đoàn thanh niên/nhà trường tổ chức bạn gặp trường hợp có một bạn hoặc nhóm bạn có quan điểm, ý kiến hoặc cách cách ăn mặc, cách phát ngôn khác với số đông thì bạn nghĩ gì và làm gì?

- 8 bạn **Không quan tâm** vì những lí do:

+ Không ảnh hưởng đến ai và không làm mất thuần phong mỹ tục.

+ Cho rằng ai cũng có quyền tự do ngôn luận.

- 5 bạn **Cảm thấy không phù hợp:**

+ Cần lên tiếng và giải thích, góp ý nhắc nhở

- 5 bạn **Tôn trọng các bạn** vì lí do:

+ Các bạn có những quan điểm và cách nhìn nhận khác nhau.

- 10 bạn cho rằng **Nếu quan điểm có tư duy lệch lạc, ăn mặc trái thuần phong mỹ tục thì sẽ góp ý.**

Câu 5: Bạn có thể nêu những ví dụ cụ thể trong thực tế cuộc sống và môi trường học tập, sinh viên có thể bị tổn thương, bị xâm phạm về quyền con người một cách vô thức hoặc cố ý

- Bình luận ác ý, tẩy chay, công kích trên MXH
- Lãng mạ, xúc phạm người khác
- Phân biệt giới tính, đặc biệt là GTT3 (LGBT)
- Body Shaming (Chê bai ngoại hình)
- Bạo lực học đường: Thể chất và tinh thần
- Xâm phạm quyền riêng tư
- Phân biệt màu da
- Phân biệt vùng miền
- Bị cô lập trong lớp

Câu 6: Theo bạn, khi tham gia mạng xã hội, nếu không thận trọng trong phát ngôn, đánh giá, bình luận thì có thể làm tổn thương, xâm phạm quyền con người của người khác không?

Có: 28 bạn

Câu 7: Để nâng cao nhận thức, kỹ năng, thái độ về việc bảo đảm quyền con người cho sinh viên, theo bạn nhà trường có cần phải tăng cường truyền thông về quyền con người cho sinh viên thông qua nhiều hình thức, nhiều kênh khác nhau không? ví dụ thông qua thầy cô liên hệ trong giảng dạy các học phần, thông qua các hoạt động ngoại khóa của khoa, của đoàn thanh niên, thông qua Webside của Trường...?

- Có cần: 28 bạn

- Thông qua:

- + Đăng lên webside trường.
- + Đăng lên trang MXH của trường: Facebook, tiktok, confession,..
- + Thầy cô liên hệ trong bài giảng
- + Tuyên truyền qua buổi ngoại khóa

Câu 8: Các bạn có thích lồng ghép vấn đề quyền con người trong giảng dạy? hoặc hoạt động ngoại khóa? hoạt động Đoàn, hoạt động Câu lạc bộ ...và hướng dẫn các bạn kỹ năng xử lý vấn đề này trong thực tế không?

Có: 28 bạn

Câu 9: Các bạn có thích được nghe chuyên gia về quyền con người chia sẻ kiến thức về quyền con người, kỹ năng giải quyết các tình huống thực tế nhằm bảo vệ quyền con người thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, các diễn đàn sinh hoạt tư tưởng của sinh viên không?

Có: 28 bạn

Câu 10: Các bạn có thích tạo nên diễn đàn sinh viên một cách chính thống qua mạng xã hội (Zalo, Fanpage ...) trong nội bộ Trường hoặc thông qua đường dây nóng, tư vấn tâm lý ... cho sinh viên để chia sẻ, trao đổi về những vấn đề quyền con người không?

Có: 28 bạn

Các bạn có đề xuất thêm những giải pháp nào?

- Nâng cao nhận thức của sinh viên qua các trang MXH đang trending như: Tiktok, Instagram, Facebook,...

Phụ lục 5. PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU, XIN Ý KIẾN CHUYÊN GIA

(Dành cho viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên)

Đối tượng: VCQL, GV, CV ở các khoa, phòng ban

Trường khảo sát: Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Số lượng khảo sát: 30 phiếu

Thời gian khảo sát: Tháng 05 năm 2024

Nội dung phiếu:

- **Họ và tên:**
- **Chức danh, đơn vị công tác:**
- **Công việc cụ thể/phụ trách:**

Xin Anh/Chị cho biết ý kiến về một số vấn đề liên quan đề tài nghiên cứu khoa học của chúng tôi.

Câu 1: Anh/Chị đã bao giờ quan tâm tới vấn đề quyền con người và truyền thông quyền con người cho sinh viên chưa?

- Nếu có thì xin Anh/Chị cho biết lý do:
- Nếu chưa thì xin Anh/Chị cho biết lý do:

Câu 2: Anh/Chị đánh giá mức độ hiểu biết của mình về quyền con người:

STT	Quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Khái niệm quyền con người	1	2	3	4	5
2	Các đặc trưng của quyền con người: tính phổ quát, không thể chuyển nhượng, không thể phân chia, các quyền con người phụ thuộc, liên hệ lẫn nhau	1	2	3	4	5
3	Những nguyên tắc cơ bản của quyền con người: bình đẳng, không phân biệt đối xử, nhân phẩm và sự tôn trọng,	1	2	3	4	5
4	Những quyền cơ bản của con người: quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa;	1	2	3	4	5
5	Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp	1	2	3	4	5

	luật của Nhà nước về bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam					
6	Thành tựu bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam					

Câu 3: Xin Anh/Chị cho biết mức độ lồng ghép công tác công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên trong giảng dạy hoặc các công tác có liên quan tới sinh viên ở đơn vị Anh/Chị

- a) Rất thường xuyên
- b) Thường xuyên
- c) Bình thường
- d) Không thường xuyên

Ý kiến cụ thể:

Câu 4: Theo Anh/Chị để thực hiện công tác công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên ở nhà trường hiện nay thì có những thuận lợi, khó khăn gì? Xin nêu cụ thể từ kinh nghiệm công tác của Anh/Chị.

Một số gợi ý:.....

Câu 5: Theo Anh/Chị việc truyền thông về quyền con người cho sinh viên có thể lồng ghép trong hoạt động nào của đơn vị Anh/Chị? Hoặc của học phần nào do Anh/Chị giảng dạy?

.....

Thuận lợi, khó khăn khi lồng ghép?

.....

Câu 6: Theo Anh/Chị tất cả các giảng viên, viên chức của nhà trường có cần được học tập, bồi dưỡng về quyền con người và kỹ năng xử lý tình huống liên quan bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho sinh viên không?

.....

Câu 7: Xin Anh/Chị cho biết thêm ý kiến cá nhân của Anh/Chị về những diễn biến trong việc bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho sinh viên của nhà trường và những giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả truyền thông về quyền con người cho sinh viên.

.....

Phụ lục 6.

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU, XIN Ý KIẾN CHUYÊN GIA (Dành cho viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên)

Câu 1: Anh/Chị đã bao giờ quan tâm tới vấn đề quyền con người và truyền thông quyền con người cho sinh viên chưa?

- Nếu có thì xin Anh/Chị cho biết lý do: 24/30
- + Quyền con người rất quan trọng và cần thiết đối với sinh viên – thế hệ trẻ của đất nước.
- + Đây là quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc được phát luật công nhận hiện hành
- + Vì đảm bảo được quyền lợi, nhu cầu, lợi ích cá nhân trong xã hội
- + Đây là vấn đề cần quan tâm, bảo vệ theo hiến pháp và pháp luật
- + Vì quyền con người là 1 phần quan trọng của XH dân sự và phát triển bền vững
- + Vì đây là 1 nội dung mở rộng trong vấn đề con người trong học phần triết học Mac – Lênin
- + Thông qua trao đổi với sinh viên, nhằm nâng cao nhận thức của sv về quyền con người, giúp sv nắm bắt và hiểu rõ về quyền con người.
- + Quan tâm để phản bác những thông tin xấu của các thế lực thù địch tìm cách bôi đen tình hình thực tế của VN.
- + Để sv nhận thức rõ các giá trị của bản thân, biết bảo vệ quyền lợi của bản thân.
- + Thông tin hữu ích cho sinh viên về quyền con người để xử lý các việc liên quan đến hoạt động học tập.
- + Vì con người là giá trị chung của nhân loại
- + Có trao đổi để cho sinh hiểu và nắm rõ trách nhiệm bản thân đối với xã hội công đồng, làm thế nào để góp phần làm cho xã hội phát triển tốt đẹp hơn.
- + Đây là vấn đề mang tính thời sự mà sinh viên rất quan tâm.
- + Vì con người đều có quyền bình đẳng, nhất là đối với sinh viên cần có đầy đủ kiến thức và hiểu được quyền lợi của bản thân.
- + Quan tâm đến quyền con người để bảo vệ quyền lợi bản thân và những người xung quanh mình khi cần đến.
- + Để đảm bảo quyền lợi của bản thân và gia đình

+ Đề SV hiểu rõ chủ trương, chính sách về quyền con người của Đảng và Nhà nước, phản bác những luận điệu sai trái về quyền con người ở nước ta.

+ Vì cần phải biết rõ quyền con người để có thể tự bảo vệ quyền lợi của bản thân. Đồng thời việc truyền thông quyền con người cho sinh viên giúp các em hiểu rõ giá trị của bản thân và người xung quanh.

- Nếu chưa thì xin Anh/Chị cho biết lý do: 6/30

Lý do: Không thuộc lĩnh vực mảng công việc

Câu 2: Anh/Chị đánh giá mức độ hiểu biết của mình về quyền con người:

(Hãy chọn 01 mức độ cho mỗi nội dung: 1 - Biết rất rõ, 2 - Biết rõ, 3 - Bình thường, 4 - Không biết rõ, 5 - Hoàn toàn không biết,)

STT	Quyền con người, bảo vệ, bảo đảm quyền con người	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Khái niệm quyền con người	2/30	13/30	10/30	5/30	0/30
2	Các đặc trưng của quyền con người: tính phổ quát, không thể chuyển nhượng, không thể phân chia, các quyền con người phụ thuộc, liên hệ lẫn nhau	1/30	10/30	15/30	4/30	0/30
3	Những nguyên tắc cơ bản của quyền con người: bình đẳng, không phân biệt đối xử, nhân phẩm và sự tôn trọng,	4/30	10/30	9/30	5/30	0/30
4	Những quyền cơ bản của con người: quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa;	3/30	11/30	11/30	5/30	0/30
5	Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam	1/30	15/30	9/30	4/30	1/30

6	Thành tựu bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam	1/30	7/30	6/30	3/30	1/30
---	--	------	------	------	------	------

Câu 3: Xin Anh/Chị cho biết mức độ lồng ghép công tác công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên trong giảng dạy hoặc các công tác có liên quan tới sinh viên ở đơn vị Anh/Chị

- a. Rất thường xuyên (10%)
- b. Thường xuyên (46.7%)
- c. Bình thường (26.7%)
- d. Không thường xuyên (16.7%)

Ý kiến cụ thể:

+ Ban hành cụ thể các quy định liên quan đến người học, phổ biến các quyền lợi của sv từ khóa đầu.

+ Phòng luôn đảm bảo quyền lợi của sv trong phúc khảo điểm thi, phản hồi các ý kiến của mình về các hoạt động của Nhà trường, tham gia đóng góp ý kiến trong kiểm định chất lượng giáo dục....

+ Đảm bảo đầy đủ quyền lợi được nhận văn bằng, chứng chỉ khi tốt nghiệp, tất cả các sinh viên được bình đẳng, tôn trọng như nhau.

+ Tuyên truyền, phổ biến cho sv thông qua các hoạt động ngoại khóa, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, cuối khóa

+ Thực tế, trừ những ngành đặc thù, còn lại đa số chưa được lồng ghép thường xuyên trong bài giảng.

+ Lồng ghép trong giảng dạy các học phần CNXHKH như quyền dân chủ, tự do tín ngưỡng tôn giáo....

+ Quyền và nghĩa vụ trong hoạt động chuyên môn ngành KDKH

+ Thường lồng ghép việc tuyên truyền khi giảng dạy các học phần Triết học Mác –Lênin và CNXHKH với những kiến thức liên quan.

+ Trong quá trình giảng dạy: tôn trọng ý kiến phát biểu của sv, thẳng thắn trao đổi cũng làm rõ và đến thống nhất quan điểm, lấy sv làm trung tâm. Tương tự như các hoạt động liên quan đến SV.

Câu 4: Theo Anh/Chị để thực hiện công tác công tác truyền thông về quyền con người cho sinh viên ở nhà trường hiện nay thì có những thuận lợi, khó khăn gì? Xin nêu cụ thể từ kinh nghiệm công tác của Anh/Chị.

Một số gợi ý:

Nêu vấn đề	Thuận lợi	Khó khăn
Về sự chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - chỉ đạo sát sao: 6/30 - ủng hộ và hỗ trợ: 1/30 - quan tâm, tạo điều kiện: 5/30 - ko có ý kiến: 18/30 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa tập huấn đồng bộ cho CB,GV về quyền con người=> chưa nhận thức đủ để truyền thông đến sv: 1/30 - Không có ý kiến: 29/30
Về sự chỉ đạo của lãnh đạo các đơn vị phòng ban Khoa tổ	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng cụ thể từng hoạt động:1/30 - Kịp thời, hiệu quả: 3/30 - hỗ trợ :1/30 - thường xuyên: 1/30 - tạo điều kiện : 2/30 - Xây dựng KH cụ thể, triển khai hiệu quả: 1/30 - Đã xác định rõ hơn quyền của sv trong văn bản của đơn vị: 1/30 - Ko có ý kiến : 20/30 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa đa dạng hoạt động đối với từng đơn vị : 1 - chưa có tính đồng bộ trong triển khai, chưa đánh giá đc: 1 - Không có ý kiến: 28/30
Về nội dung truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thông tin, chính sách mới đến sv: 1/30 - Phong phú, đa dạng: 3/30 - Gắn với việc giáo dục tư tưởng chính trị của sv: 1/30 - Tuyên truyền phổ biến về quyền con người: 1/30 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa đa dạng về nội dung: 2/30 - Chưa có văn bản cụ thể:3/30 - thuật ngữ khó hiểu và cần đc tối giản: 1/30 - Không có ý kiến: 24/30

	- Không có ý kiến: 24/30	
Về kênh truyền thông?	<p>Web, fanpage, nói chuyện: 6/30</p> <p>Phong phú, đa dạng: 2/30</p> <p>- Truyền thống: 1/30</p> <p>- Không có ý kiến: 21/30</p>	<p>- Chưa đc truyền thông: 1/30</p> <p>- Mới chỉ truyền thông trong lòng ghép giảng dạy : 1/30</p> <p>Hạ tầng chưa có tính kết nối; 1/30</p> <p>- Không có ý kiến: 27/30</p>
Về hình thức, phương pháp truyền thông	<p>- Đăng tin bài, lấy ý kiến của sv để cải tiến nội dung, phương pháp: 1/30</p> <p>- Nên đa dạng hóa các hình thức: 1/30</p> <p>- Mới mẻ, đa dạng: 2/30</p> <p>- Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, cuối khóa, ngày PL: 1/30</p> <p>- Đưa các tin bài thông qua CNL :1/30</p> <p>- Tập trung chủ yếu thông qua thuyết trình, giảng dạy: 1/30</p> <p>- Không có ý kiến: 23/30</p>	<p>- Chưa đa dạng hình thức: 5/30</p> <p>- Mới chỉ chia sẻ trực tiếp trên lớp :1 /30</p> <p>- Chưa có chương trình cụ thể: 1/30</p> <p>- Không có ý kiến: 23/30</p>
Về những phương tiện nghe nhìn phục vụ truyền thông	<p>-Web, fanpage:2/30</p> <p>-Truyền hình, đài raido: 1/30</p> <p>- Phong phú, hiện đại: 1/30</p> <p>- hình ảnh, video: 1/30</p>	<p>- Mới, chưa thông qua hình ảnh, video, powpoint: 1/30</p> <p>- Chưa quan tâm và dành cho sự đa dạng phương tiện: 1/30</p>

	- Không có ý kiến: 25/30	- Không có ý kiến: 28/30
Về kinh phí tổ chức các hoạt động truyền thông như mời chuyên gia về quyền con người về nói chuyện cho cả giảng viên, sinh viên nghe...	- Kinh phí thường xuyên: 1/30 - Nhà trường có tổ chức các hoạt động truyền thông: 1/30 - Phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ: 1/30 - Nhà trường đã mời chuyên gia nhưng chưa thể hiện rõ nội dung quyền con người: 1/30 - Không có ý kiến: 26/30	- Còn hạn chế kinh phí dành riêng, đa phần kết hợp với các hoạt động truyền thông khác: 6/30 - Chưa có : 1/30 - Số lượt mời chuyên gia về vấn đề này còn ít và chưa đầu tư đúng mực: 1/30 - Không có ý kiến: 22/30
Về vấn đề khác:		Số lượng sv quá đông, nếu tổ chức 1 buổi ko hiệu quả, có thể tổ chức theo khoa nhưng lại tốn kinh phí.

Câu 5: Theo Anh/Chị việc truyền thông về quyền con người cho sinh viên có thể lồng ghép trong hoạt động nào của đơn vị Anh/Chị? Hoặc của học phần nào do Anh/Chị giảng dạy?

- Các buổi nói chuyện chuyên đề : 2/30
- Trong các học phần về truyền thông của ngành: 1/30
- Gắn với chức năng, nhiệm vụ thông qua các quy định về quyền lợi và trách nhiệm của người học trong quản lý của phòng như quy định về khảo thí, quy định về đảm bảo chất lượng, quy định về lấy ý kiến phản hồi của các bên liên qua, Lồng ghép bất kỳ học phần nào thông qua bảo đảm sv có quyền được học tập, phản biện, phát biểu.....: 4/30
- quyền con người cho sv được đưa vào quy định đánh giá kết quả người học của đơn vị, quy định lấy ý kiến phản hồi của người học : 1/30
- Trong hoạt động phúc khảo điểm sau khi thi: 1/30

- Lòng ghép trong việc xây dựng CTĐT đưa vào các học phần, triết học về quyền con người, bổ sung các tiết ngoại khóa, thực tập, kiến tập: 2/30
- Lòng ghép bằng hình thức tổ chức thi trả lời trắc nghiệm: 1/30
- Có thể lòng ghép trong nhiều hoạt động như công tác đoàn thanh niên, sinh hoạt lớp, các học phần LLCT, Pháp luật: 7/30
- Hoạt động công tác sv: 1/30
- Lòng ghép vào các bài giảng hoặc các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ: 4/30
- giảng dạy vai trò, trách nhiệm, quyền lợi của ngành nghề với cán bộ chuyên môn: 1/30

Thuận lợi, khó khăn khi lòng ghép?

- Kế hoạch mời chuyên gia trong lĩnh vực: 1/30
- Thuận lợi: Lãnh đạo và chuyên viên tại đơn vị nhận thấy rõ những quyền cơ bản của con người và sẵn sàng truyền tải vào các hoạt động của đơn vị, cá nhân; Khó khăn: chưa cơ chế và văn bản quản lý của Nhà trường nhắc đến và yêu cầu triển khai về truyền thông quyền con người: 1/30
- Khó khăn: Mặc dù có quy định cụ thể nhưng không được sv quan tâm hiểu rõ các quyền lợi của mình: 1/30
- Thuận lợi: phổ biến đến đại đa số sv. Khó khăn: mỗi ngành, mỗi CTĐT có đặc thù nghề nghiệp riêng: 1/30
- Khó khăn: trang thiết bị truyền thông, hiểu biết của Gv về quyền con người; Thuận lợi: đc sự ủng hộ của Nhà trường: 1/30

Câu 6: Theo Anh/Chị tất cả các giảng viên, viên chức của nhà trường có cần được học tập, bồi dưỡng về quyền con người và kỹ năng xử lý tình huống liên quan bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho sinh viên không?

- Nên có Để có thể bảo vệ mình và người xung quanh: 21/30
 - Nên thường xuyên: 2/30
 - Không: đã có môn PLĐC và các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và cuối khóa: 1/30
- Câu 7:** Xin Anh/Chị cho biết thêm ý kiến cá nhân của Anh/Chị về những diễn biến trong việc bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho sinh viên của nhà trường và những giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả truyền thông về quyền con người cho sinh viên.

- Cần tổ chức các chuyên đề truyền thông cho CBGVVN, người học của Trường:
1/30

- Cần bổ sung và gọi rõ tên các học phần, các chương và bài học liên quan đến quyền con người; - Hướng dẫn lồng ghép truyền thông về quyền con người trong công tác quản lý, giảng dạy và hoạt động đoàn thể của Nhà trường, đặc biệt là các chương trình có sv tham gia; - Đa dạng các hình thức tuyên truyền, bổ sung các áp phích về truyền thông; - Thường xuyên giới thiệu cho cán bộ, giảng viên và người học về các chương trình gắn với triuearn khai quyền con người do Nhà nước và các tổ chức uy tín, thân thiện tổ chức. 1/30

- Cần chú trọng tuyên truyền chống bạo lực và phân biệt đối xử, thúc đẩy bình đẳng giới, quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số, quyền sức khỏe, quyền tiếp cận giáo dục chất lượng: 1/30

- Nên lồng ghép vào các học phần có liên quan đến vấn đề này: 1/30

- Hiện nay quyền con người ngày càng diễn biến phức tạp, có chiều hướng bị ảnh hưởng xấu đến mọi người; các vụ việc bạo hành gia đình, bạo hành trẻ em gần đây trên các phương tiện truyền thông cho thấy quyền con người bị xem nhẹ, coi thường: 1/30

- Thường xuyên tổ chức hội nghị đối thoại sv, ngày hội việc làm, khám sức khỏe cho sv; giải pháp: lồng ghép trong chương trình học, sinh hoạt lớp, hoạt động tập thể, các hoạt động ngoại khóa cho sv thường xuyên hơn như mời chuyên gia, diễn giả: 2/30

- Nhà trường luôn quan tâm và bảo vệ quyền và lợi ích của sv, tạo mọi điều kiện cho sv phát huy được quyền và nghĩa vụ của bản thân; nâng cao công tác tuyên truyền cho sv và nhận thức của sv về quyền con người, lồng ghép các nội dung giảng dạy và hoạt động ngoại khóa cho sv. 4/30

- Nhà trường, các phòng ban và các khoa luôn tạo điều kiện cơ chế tốt nhất cho sv trong quá trình học tập, cũng như đảm bảo quyền con người, để nâng cao taoaj huấn cần có sự hỗ trợ trong đào tạo giảng viên: 1/30

- Cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi sv trong vấn đề về quyền con người và vấn đề nhận thức bảo vệ quyền con người trong giai đoạn hiện nay: 1/30

